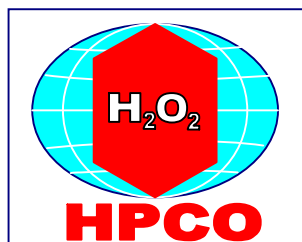


**CÔNG TY CỔ PHẦN
HÓA CHẤT HÙNG PHÁT HÀ BẮC**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2014**

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

Tên Công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HUNG PHÁT HÀ BẮC
Tên tiếng Anh	:	HA BAC HUNG PHAT CHEMICAL JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	HPCO
Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp	:	Số 2400395807 (số cũ 2003000297) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/02/2008 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 24/12/2013.
Vốn điều lệ	:	84.000.000.000 đồng (Tám mươi tư tỷ đồng)
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	:	8.400.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) ⁵
Địa chỉ trụ sở chính	:	Phường Thọ Xương, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
Số điện thoại	:	0240 3526 066
Số fax	:	0240 3526 066
Website	:	http://hungphathabac.com.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc nằm ở phía Bắc thành phố Bắc Giang, phía Đông và phía Bắc giáp Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc, phía Nam giáp phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang và phía Tây giáp Công ty cổ phần Than hoạt tính Trường Phát.

Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400395807 (số cũ 2003000297) ngày 01/02/2008 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 24/12/2013. Công ty được thành lập và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với số vốn điều lệ ban đầu là 56 tỷ đồng và 03 cổ đông sáng lập, trong đó Cty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc nắm cổ phần chi phối. Mục tiêu thành lập và hoạt động kinh doanh chính của Công ty là đầu tư sản xuất và cung cấp Hydrogen Peroxide có công thức hóa học là H_2O_2 , còn gọi là ô xy già sử dụng rộng rãi trong công nghiệp sản xuất giấy, dệt, điện tử, xử lý môi trường,... bên cạnh đó Công ty cũng kinh doanh thương mại các sản phẩm phân bón, hóa chất khác như Urea, Kali, NPK.

Là một trong những đơn vị sản xuất ô xy già đầu tiên tại Việt Nam, sau 06 năm thành lập với mục đích sản xuất kinh doanh ô xy già và kinh doanh phân bón hóa chất, trong đó nhiệm vụ

trong tâm là triển khai đầu tư xây dựng Dây chuyền sản xuất ô xy già công suất 10.000 tấn/năm, nồng độ 50%, đến nay sản phẩm ô xy già của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc đã dần tạo lập thương hiệu trên thị trường với hệ thống các nhà phân phối đã bắt đầu được hình thành rộng khắp cả nước.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

➤ Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số số 2400395807 (số cũ 2003000297) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/02/2008 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 24/12/2013, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi các loại hàng hóa.
- Sản xuất H_2O_2 .
- Mua bán H_2O_2 , phân bón phục vụ nông nghiệp và các loại hóa chất khác. Kinh doanh vật tư nông nghiệp.
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm hóa chất và phân bón, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, máy móc thiết bị và các mặt hàng mà Công ty kinh doanh.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác.
- Buôn bán máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Kinh doanh vận tải hàng hóa.
- Kinh doanh bất động sản.
- Xây dựng nhà các loại.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Hoàn thiện công trình xây dựng.
- Lắp đặt hệ thống điện.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước.
- Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí.
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.
- Xây dựng công trình giao thông.

➤ **Địa bàn kinh doanh:**

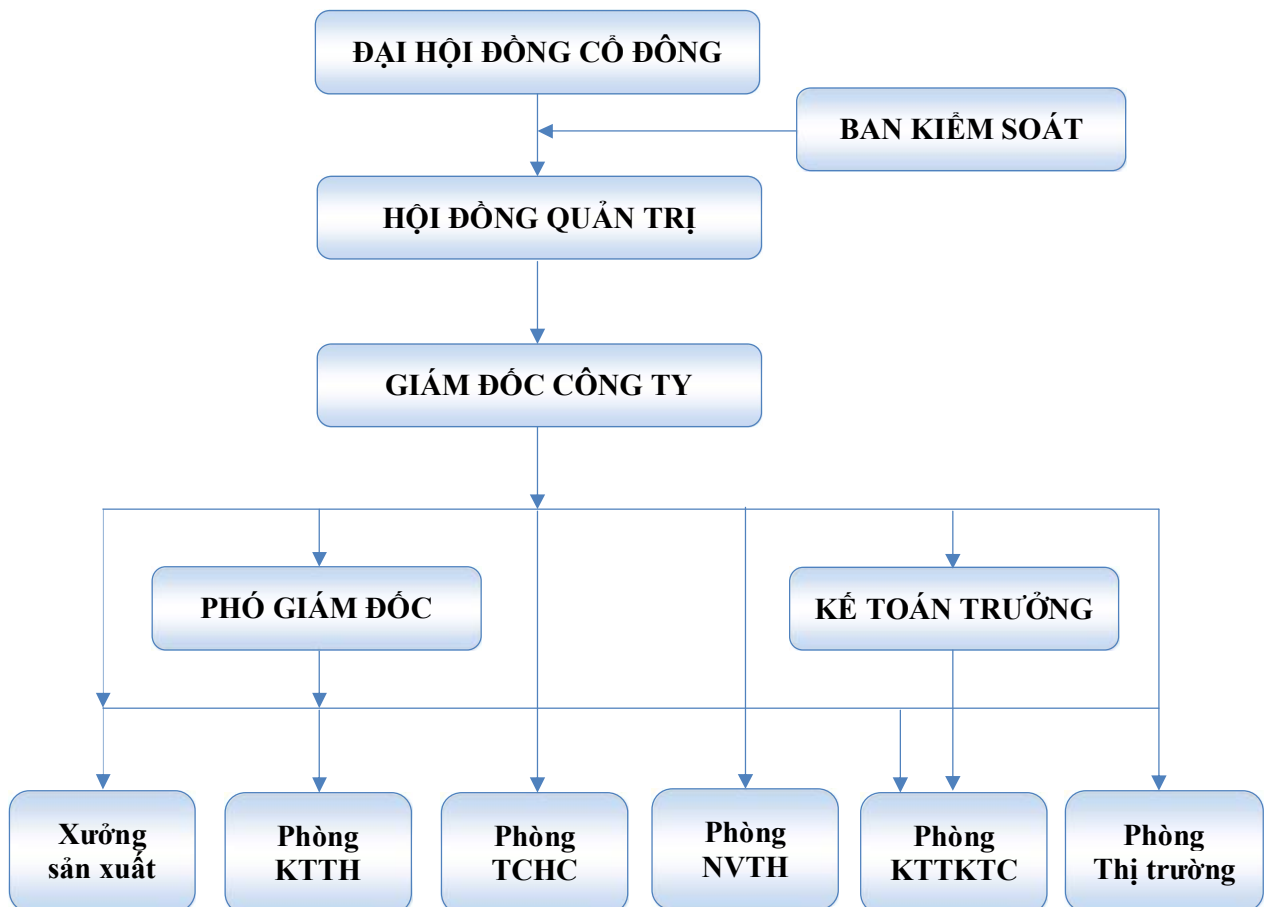
Miền Nam: Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bình Dương, Biên Hòa, Tây Ninh, Vũng Tàu, Bình Định....

Miền Bắc: Thành Phố Hà Nội, Nam Định, Thái Bình, Bắc Ninh, Tuyên Quang, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Giang, Hải Phòng, Nam Hà, Thái Nguyên....

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc thiết lập cơ cấu tổ chức và quản trị theo mô hình công ty cổ phần, phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh, bao gồm cả cơ chế trao đổi thông tin nội bộ và phân công các cán bộ với quyền hạn và trách nhiệm rõ ràng. Bên cạnh đó, Công ty cũng xem xét và cải tiến liên tục hệ thống quản trị Công ty nhằm triển khai có hiệu quả các chính sách nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty như sau:

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY



➤ **Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty bao gồm:**

- Đại hội đồng cổ đông
- Ban Kiểm soát
- Hội đồng quản trị
- Ban Giám đốc
- Các Phòng chuyên môn thuộc Công ty
- Xưởng sản xuất

4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần và quyết định các vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo, quyết định phương thức hoạt động, vốn điều lệ, nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, ...

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, chịu trách nhiệm triển khai các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị có quyền quyết định và thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

4.3. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát của Đại hội đồng cổ đông, có quyền kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty và các quyền hạn, trách nhiệm khác theo quy định tại Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và kéo dài thêm 90 (chín mươi) ngày để giải quyết các công việc tồn đọng. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4.4. Ban Giám đốc

Giám đốc Công ty

Giám đốc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm và là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Giám đốc Công ty là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Công ty. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, được Giám đốc ủy quyền hoặc chịu trách nhiệm trong một số lĩnh vực quản lý chuyên môn, chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc về lĩnh vực công việc được phân công:

- Theo dõi quản lý kỹ thuật, quy trình công nghệ sản xuất của Công ty.
- Nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, đề xuất các quy trình công nghệ mới, tổng hợp báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh thường kỳ cho Giám đốc.
- Chỉ đạo trực tiếp phòng Kỹ thuật tổng hợp và Xưởng sản xuất H₂O₂.

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng là người trực tiếp tham mưu cho Giám đốc về công tác quản lý tài chính kế toán trong Công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các vấn đề liên quan tới công tác kế toán tài chính, quyết toán tài chính, thuế và tình hình thực hiện chế độ quản lý tài chính của Công ty. Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Công ty.

4.5. Các phòng chuyên môn thuộc Công ty và Xưởng sản xuất

Phòng Kỹ thuật tổng hợp

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc về các lĩnh vực chuyên môn kỹ thuật trong việc điều hành quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các lĩnh vực quản lý Kỹ thuật, An toàn và Vệ sinh môi trường.

Phòng Nghiệp vụ tổng hợp

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc về nghiệp vụ chuyên môn trong việc điều hành quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các lĩnh vực quản lý Kế hoạch, Vật tư và Đầu tư.

Phòng Tổ chức – Hành chính

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc về nghiệp vụ chuyên môn trong việc điều hành quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các lĩnh vực quản lý: Tổ chức, quản lý lao động tiền lương và giải quyết các chế độ cho người lao động, Hành chính quản trị, Bảo vệ an ninh trật tự và phòng chống cháy nổ.

Phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc về các lĩnh vực Kế toán - Thống kê - Tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện những công việc nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán theo đúng qui định của Nhà nước về chuẩn mực kế toán, nguyên tắc kế toán.

Phòng Thị trường

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc các vấn đề liên quan đến công tác tiêu thụ và phát triển thị trường, các chuyên môn nghiệp vụ trong việc điều hành quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các lĩnh vực quản lý tiêu thụ sản phẩm và phát triển thị trường.

Xưởng sản xuất

Chức năng: Xưởng sản xuất H₂O₂ là đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty có chức năng tiếp nhận nguyên vật liệu, năng lượng, quản lý nhân sự và vận hành thiết bị của dây chuyền để sản xuất sản phẩm H₂O₂ theo kế hoạch đã được Giám đốc công ty phê duyệt.

➤ **Danh sách công ty mẹ của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc:**

Tên	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần
Công ty TNHH một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang	2400120344	5.423.000	64,56%

➤ **Danh sách công ty con của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc:**

Không có

➤ **Danh sách những công ty mà Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:**

Không có

➤ **Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc:**

Không có

5. Định hướng phát triển:

➤ **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

Sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu thu lợi nhuận, tạo việc làm ổn định cho người lao động, đảm bảo cổ tức cho các cổ đông và thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước.

➤ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Hoàn thiện bộ máy tổ chức và hệ thống quản lý; làm chủ thiết bị công nghệ để phát triển trở thành doanh nghiệp có thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực Ô xy già.

➤ **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất theo quy định. Thực hiện chương trình cải tiến thiết bị, công nghệ, hợp lý hoá sản xuất, sử dụng hiệu quả nguyên nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu chất thải nhằm sản xuất sạch hơn.

Mang lại giá trị thặng dư cao nhất cho Cổ đông, tạo lập cuộc sống ấm no cho Cán bộ nhân viên và góp phần làm tăng tổng giá trị thặng dư cho xã hội.

6. Các rủi ro:

6.1. Rủi ro về kinh tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của những nhân tố đó.

➤ **Tốc độ tăng trưởng kinh tế**

Mức độ tăng trưởng của nền kinh tế là một nhân tố quan trọng quyết định trực tiếp đến sự tăng trưởng của doanh nghiệp. GDP tăng trưởng cao và ổn định sẽ thúc đẩy hoạt động kinh doanh và nhu cầu đầu tư mở rộng trong nhiều lĩnh vực, các nhóm ngành công nghiệp và nông nghiệp nói chung và các nhóm ngành sử dụng ô xy già như công nghiệp sản xuất giấy, dệt nhuộm, điện tử, xử lý môi trường, thực phẩm, công nghiệp nhẹ, mây tre đan ... nói riêng có thêm điều kiện và cơ hội phát triển, theo đó các nhu cầu về ô xy già – sản phẩm chính của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc cũng gia tăng. Ngược lại tốc độ phát triển của ngành và của doanh nghiệp sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực từ một nền kinh tế suy thoái, tốc độ tăng trưởng chậm do nguồn vốn đầu tư và nhu cầu đối với các sản phẩm đầu ra suy giảm.

➤ **Lãi suất**

Cũng như các doanh nghiệp khác, trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc cũng thường xuyên sử dụng một kênh huy động vốn truyền thống là tín dụng và chịu lãi suất sử dụng vốn vay, đặc biệt là vay tín dụng bằng đồng đô la mỹ (USD). Do đó, chỉ cần một sự biến động nhỏ về lãi suất trong chiến lược điều hành chính sách tiền tệ của Nhà nước cũng có thể ảnh hưởng đến chi phí tài chính và lợi nhuận mà Công ty đạt được.

➤ **Lạm phát**

Lạm phát thường xảy ra do hai nguyên nhân chính là chi phí đẩy hoặc cầu kéo. Tổng cầu gia tăng do sự gia tăng của tiêu dùng hộ gia đình, chi tiêu Chính phủ, đầu tư và thay đổi ròng từ hoạt động xuất nhập khẩu. Mặc dù lạm phát trong thời gian qua luôn được kiểm chế nhưng dưới tác động của lạm phát, các chi phí đầu vào phục vụ sản xuất của Công ty như chi phí điện, nước, chi phí nguyên vật liệu, ... đều có xu hướng gia tăng, qua đó gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

➤ Tỷ giá hối đoái

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã thực hiện Dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất ô xy già công suất 10.000 tấn/năm, nồng độ 50% và phải nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên vật liệu từ nhà thầu nước ngoài, việc thanh toán các chi phí đầu vào này được thực hiện bằng đồng USD, bên cạnh đó Công ty cũng phải nhận nợ bằng đồng USD từ Ngân hàng để thanh toán cho nhà thầu, do đó mọi sự biến động về tỷ giá hối đoái – đặc biệt là tỷ giá đồng USD đều sẽ ảnh hưởng đến việc ghi nhận giá trị bằng đồng Việt Nam đối với các khoản vay nợ USD của Công ty.

Ngoài tác động nêu trên, mặc dù doanh thu hiện nay của Công ty không trực tiếp gắn liền với ngoại tệ vì trước mắt các sản phẩm Công ty sản xuất và kinh doanh được tiêu thụ tại thị trường trong nước, tuy nhiên với quan điểm không ngừng mở rộng hoạt động kinh doanh, nhiều khả năng việc xuất nhập khẩu sản phẩm sản xuất kinh doanh đối với Công ty có thể xảy ra trong tương lai, chính vì thế trong thời gian qua Công ty vẫn quan tâm nghiên cứu và tăng cường các chính sách nhằm chủ động đối phó với những biến động về tỷ giá hối đoái có thể xảy ra trong quá trình hoạt động kinh doanh.

6.2. Rủi ro về luật pháp

Là một công ty cổ phần đại chúng hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán cùng với hệ thống pháp luật chung, lại chịu sự quản lý ngành và tác động của các chính sách đặc thù trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty nên bất kỳ việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới,... của Nhà nước, nhất là những điều chỉnh liên quan đến hoạt động của ngành như luật hóa chất, luật thuế,... đều có thể ảnh hưởng tới Công ty. Mặc dù trong những năm qua, Việt Nam đã cố gắng xây dựng một môi trường pháp lý tương đối ổn định, cơ sở pháp lý về hoạt động đặc thù ngành cũng như các quy định trên thị trường chứng khoán cũng được điều chỉnh hoàn thiện hơn, tuy nhiên vẫn còn khá nhiều bất cập và vẫn đang tiếp tục được điều chỉnh đòi hỏi Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo tuân thủ pháp luật.

Ngoài ra, các chuẩn mực kế toán, kiểm toán mới vẫn đang từng bước xây dựng và hoàn chỉnh nên Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo công tác hạch toán theo đúng pháp luật.

6.3. Rủi ro cạnh tranh

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc là một trong những đơn vị đầu tiên trong nước sản xuất Hydrogen Peroxide, công thức hóa học là H_2O_2 , tên thương mại là ô xy già. Từ trước năm 2013, phần lớn nhu cầu về ô xy già trong nước được nhập khẩu từ thị trường Hàn Quốc, Thái Lan, Trung Quốc và Đài Loan,... do đó trong giai đoạn này Công ty chủ yếu phải đối mặt với sức ép cạnh tranh từ các nhà nhập khẩu trong nước và các nhà sản xuất nước ngoài, tuy nhiên sản phẩm ô xy già của Công ty có nhiều ưu thế hơn sản phẩm nhập khẩu về chi phí vận chuyển, tiến độ cung cấp và chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu của các ngành sản xuất

bột giấy, dệt nhuộm, điện tử, thủ công mỹ nghệ,... nên đã tạo được lợi thế cạnh tranh và góp phần đem lại vị thế của Công ty trên thị trường. Mặc dù vậy, với dự báo nhu cầu tiêu thụ ô xy già trong nước sẽ ngày càng lớn, thời gian vừa qua một số doanh nghiệp trong cùng ngành đã bắt đầu quan tâm nghiên cứu đầu tư dự án sản xuất ô xy già và khả năng trong tương lai sẽ xuất hiện thêm nhiều nhà cung cấp nội địa, kéo theo đó sẽ là sự gia tăng rủi ro cạnh tranh cho Công ty. Đối với các sản phẩm khác như phân bón hóa chất, vật tư và các sản phẩm phục vụ ngành nông nghiệp – một trong những ngành kinh tế then chốt của đất nước, trong quá trình hoạt động Công ty không tránh khỏi sự cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp trong và ngoài nước hoạt động trong cùng ngành về thị trường, chủng loại mặt hàng và giá cả đầu ra. Để tồn tại, phát triển bền vững và chủ động trước các sức ép cạnh tranh ngày càng lớn, Công ty đã, đang và sẽ không ngừng đầu tư, ứng dụng công nghệ hiện đại để tạo ra các sản phẩm chất lượng cao, giá thành hợp lý, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh và đảm bảo sự phát triển ổn định trong tương lai.

6.4. Rủi ro đặc thù

Nguyên liệu chính để sản xuất ô xy già của Công ty là khí thải Hydro (H_2) từ quá trình tổng hợp Amoniac của Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc, đây là một thế mạnh của Công ty nhưng cũng là một rủi ro đặc thù vì nếu Công ty Phân Đạm và Hóa chất Hà Bắc ngừng máy sửa chữa hoặc khi xảy ra sự cố trong quá trình sản xuất thì Dây chuyền sản xuất ô xy già của Công ty sẽ phải ngừng hoạt động do không có nguồn khí thải H_2 cung cấp cho sản xuất, nhận thức được điều này, trong thời gian qua Công ty đã tăng cường nghiên cứu và tìm kiếm các giải pháp hợp lý để hạn chế rủi ro từ nguồn cung cấp nguyên vật liệu nêu trên.

6.5. Rủi ro khác:

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như chiến tranh, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh, các biến động của chính trị - xã hội ...

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2014, Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty đã có lãi là 500 triệu đồng = 312% so với KH năm. Sản lượng ô xy già quy nồng độ 50%: Tiêu thụ đạt 9.255 tấn = 129,1% so với KH năm; sản xuất đạt 9.315 tấn = 132,2% so với KH năm. Ngày 19/06/2014, Ngân hàng Nhà nước công bố điều chỉnh tỷ giá bình quân liên ngân hàng từ mức 21.036 VND/USD lên 21.246 VND/USD (tăng 1%) đã làm lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh là: 1.775 triệu đồng

2. Tổ chức và nhân sự:

➤ Danh sách Ban điều hành và cán bộ quản lý:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Xuân Bắc	Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Thế Hùng	Phó Giám đốc
Ông Lê Anh Tuấn	Kế toán trưởng
Ông Trần Đức Tuấn	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính
Ông Lê Thanh Hiếu	Trưởng phòng Nghiệp vụ tổng hợp
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng phòng Kỹ thuật tổng hợp
Ông Hoàng Văn Hùng	Giám đốc Xưởng sản xuất
Ông Nguyễn Quang Tuấn	Phó phòng, Phụ trách phòng Thị Trường

(1) Ông Nguyễn Xuân Bắc - Giám đốc Công ty:

- Họ và tên: Nguyễn Xuân Bắc.
- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 21/8/1972.
- Nơi sinh: Song Mai - TP. Bắc Giang.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Số CMND: 121101194. Ngày cấp: 31/5/2006. Nơi cấp: Công an Tỉnh Bắc Giang
- Quê quán: Thanh Liên - Thanh Chương - Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 220 đường Nguyễn Khuyến, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.
- Số điện thoại liên lạc: 0915.066.392
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt năm công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - + Từ 11/1992 - 9/1995: Công nhân điện, phân xưởng 609, XNLH phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
 - + Từ 10/1995 - 4/2001: Đi học tại chức ngành Điện xí nghiệp tại trường ĐHBK Hà Nội

- + Từ 5/2001 - 4/2002: Tập sự kỹ sư Điện, Xưởng Điện Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
 - + Từ 5/2002 - 15/3/2003: Kỹ sư Điện, Xưởng Điện, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
 - + Từ 16/3/2003 - 25/11/2004: Kỹ sư Điện, Phòng Điện đo lường-TĐH, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
 - + Từ 26/11/2004-1/2005: Kỹ sư Điện, Xưởng Điện, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
 - + Từ 7/2/2005-24/9/2006: Phó giám đốc Xưởng Điện, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
 - + Từ 25/6/2006-3/2007: Phó giám đốc Xưởng Điện, phụ trách xưởng Điện, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (Nay là Cty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc)
 - + Từ 4/2007 - 1/2010: Giám đốc Xưởng Điện, Cty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
 - + Từ 2/2010 - 2/2011: Giám đốc Xưởng Nhiệt, Cty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
 - + Từ 3/2011 - 7/2012: Trưởng phòng Điện - Đo lường - Tự động hóa, Cty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
 - + Từ 1/8/2012 - 31/05/2013: Trưởng phòng TCHC- Ban QLDA, Cty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
 - + Từ 6/2013 đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
 - Số cổ phần bản thân nắm giữ: 800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0095% vốn điều lệ
- Trong đó:
- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0095% vốn điều lệ
 - + Cổ phần đại diện sở hữu của các tổ chức, cá nhân khác: 1.139.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 13,559% vốn điều lệ.

(2) Ông Nguyễn Thế Hùng - Phó giám đốc Công ty:

- Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 10/4/1968
 - Nơi sinh: Huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Số CMND: 121559947. Ngày cấp: 21/6/2002. Nơi cấp: Bắc Giang
 - Quê quán: Xã hải Long, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
 - Địa chỉ thường trú: Số nhà 68, Đường Cô Giang, Phường Trần Nguyên Hãn, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
 - Số điện thoại liên lạc: 0913.258.073
 - Trình độ văn hoá: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy
 - Quá trình công tác:
 - + Từ năm 1991 - năm 1995: Kỹ thuật viên tại Nhà máy cơ khí, xí nghiệp liên hợp Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
 - + Từ năm 1995 - năm 2000: Quản đốc phân xưởng Giấy đế thuộc Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Tổng hợp II thuộc Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
 - + Từ năm 2000 - năm 2004: Giám đốc Xí nghiệp Giấy đế thuộc Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
 - + Từ năm 2004 - năm 2005: Giám đốc Công ty cổ phần Hòa Bình
 - + Từ năm 2005 - năm 2010: Chuyên viên tại phòng Đầu tư Xây dựng Công ty TNHH 1TV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
 - + Từ năm 2010 đến nay: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
 - Số cổ phần bản thân nắm giữ: 4.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0476% vốn điều lệ
- Trong đó:
- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 4.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0476% vốn điều lệ
 - + Cổ phần đại diện sở hữu của các tổ chức, cá nhân khác: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

(3) Ông Lê Anh Tuấn - Kế toán trưởng Công ty:

- Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 02/11/1981
 - Nơi sinh: Xóm 7, Xã Đốc Tín, huyện Mỹ Đức, Hà Nội
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Số CMND: 111592487. Ngày cấp: 21/3/1999. Nơi cấp: Hà Tây
 - Quê quán: Xóm 7, Xã Đốc Tín, huyện Mỹ Đức, Hà Nội
 - Địa chỉ thường trú: Số nhà 08, ngõ 05, đường Trần Đăng Tuyển, Trần Nguyên Hãn, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
 - Số điện thoại liên lạc: 0982.211.214
 - Trình độ văn hoá: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
 - Quá trình công tác:
 - + Từ 01/2005 - 04/2008: Kế toán viên Phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
 - + Từ 05/2008 - 04/2010: Phụ trách Phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
 - + Từ 05/2010 - 04/2012: Trưởng phòng Phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
 - + Từ 05/2012 đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
 - Số cổ phần bản thân nắm giữ: 500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00595 % vốn điều lệ
- Trong đó:
- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00595% vốn điều lệ
 - + Cổ phần đại diện sở hữu của các tổ chức, cá nhân khác: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

(4) Ông Trần Đức Tuấn - Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính:

- Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 15/7/1961
 - Nơi sinh: Hải Phòng
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Số CMND: 120011416. Ngày cấp: 11/11/2005. Nơi cấp: Bắc Giang
 - Quê quán: Đức Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình
 - Địa chỉ thường trú: Số 315 Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
 - Số điện thoại liên lạc: 0989.992.482
 - Trình độ văn hoá: 10/10
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
 - Quá trình công tác:
 - + Từ 01/1986 - 12/1988: CNVH Điện, NM Nhiệt điện, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
 - + Từ 01/1989 - 07/1997: Trưởng kíp VH Điện, NM Nhiệt điện, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
 - + Từ 8/1997 - 04/2000: Kế toán tổng hợp, NM Nhiệt điện, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
 - + Từ 05/2000 - 04/2010: Chuyên viên LĐTL, phòng TCNS, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
 - + Từ 05/2010 - 09/2011: Phó phòng, Phụ trách phòng TCHC, Công ty CP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
 - + Từ 10/2011 - Nay: Trưởng phòng TCHC, Công ty CP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
 - Số cổ phần bản thân nắm giữ: 11.155 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,1327% vốn điều lệ
- Trong đó:
- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 11.155 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,1327% vốn điều lệ
 - + Cổ phần đại diện sở hữu của các tổ chức, cá nhân khác: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

(5) Ông Lê Thanh Hiếu - Trưởng phòng Nghiệp vụ tổng hợp:

- Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 22/8/1961
 - Nơi sinh: Lâm Thao, Phú Thọ
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Số CMND: 120015814. Ngày cấp: 17/5/2005. Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang
 - Quê quán: Khu phố 5, thành phố Vinh, Nghệ An
 - Địa chỉ thường trú: Số nhà 37 khu phố Hà Vị 1, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.
 - Số điện thoại liên lạc: 0912.765.606
 - Trình độ văn hoá: 10/10
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế kỹ thuật
 - Quá trình công tác:
 - + Từ năm 1982 - 1986: Bộ đội thuộc E51 – Quân khu I
 - + Từ năm 1986 - 1993: Công nhân cơ khí, nhà máy cơ khí hóa chất Hà Bắc
 - + Từ năm 1993 - 2008: Chuyên viên Kế hoạch tại phòng kế hoạch Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
 - + Từ năm 2008 đến nay: Trưởng phòng Nghiệp vụ Tổng hợp Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc.
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
 - Số cổ phần bản thân nắm giữ: 3.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0416% vốn điều lệ
- Trong đó:
- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 3.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0416% vốn điều lệ
 - + Cổ phần đại diện sở hữu của các tổ chức, cá nhân khác: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

(6) Ông Nguyễn Văn Tuấn - Trưởng phòng Kỹ thuật tổng hợp:

- Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 10/9/1971
 - Nơi sinh: Xã Hồng Thái, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Số CMND: 122029516. Ngày cấp: 12/12/2008. Nơi cấp: Công an Bắc Giang
 - Quê quán: Xã Hồng Thái, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình
 - Địa chỉ thường trú: K41 - Công viên Hoàng Hoa Thám, Bắc Giang
 - Số điện thoại liên lạc: 0904.013.656
 - Trình độ văn hoá: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa
 - Quá trình công tác:
 - + Từ 1992 - 1993: Công nhân Xưởng Tạo khí, Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
 - + Từ 1993 - 1996: Học tại trường Đại học Bách khoa Hà Nội
 - + Từ 1996 - 2007: Trưởng ca Công ty, Phòng Điều độ sản xuất, Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
 - + Từ 2007 - 2008: Kỹ thuật viên, Phòng kỹ thuật Công nghệ, Công ty TNHH 1TV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
 - + Từ 2008 - 2010: Kỹ thuật viên, Phòng Kỹ thuật tổng hợp, Công ty cổ phần Hóa Chất Hưng phát Hà Bắc
 - + Từ 2010 - nay: Trưởng phòng, Phòng Kỹ thuật tổng hợp, Công ty cổ phần Hóa Chất Hưng phát Hà Bắc
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
 - Số cổ phần bản thân nắm giữ: 700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0083% vốn điều lệ
- Trong đó:
- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0083% vốn điều lệ
 - + Cổ phần đại diện sở hữu của các tổ chức, cá nhân khác: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

(7) Ông Hoàng Văn Hùng - Giám đốc Xưởng sản xuất:

- Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 09/3/1967
 - Nơi sinh: Tân Mỹ, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Số CMND: 120926352. Ngày cấp: 3/11/2005. Nơi cấp: CATP Bắc Giang
 - Quê quán: Tân Mỹ, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
 - Địa chỉ thường trú: Tân Mỹ, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
 - Số điện thoại liên lạc: 0982304098
 - Trình độ văn hoá: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ hóa học
 - Quá trình công tác:
 - + Từ 1991 – 1/1998: Trưởng ca Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (nay là Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc)
 - + Từ 1/1998 – 8/1998: Phó quản đốc Xưởng giấy, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (nay là Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc)
 - + Từ 8/1998 - 2005: Chi nhánh Xăng dầu Bắc Ninh, Công ty Xăng dầu khu vực 1
 - + Từ 2005 - 2010: Chuyên viên Phòng KTCN, Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
 - + Từ 2010 - Nay: Giám đốc xưởng sản xuất, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
 - Số cổ phần bản thân nắm giữ: 902 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0107 % vốn điều lệ
- Trong đó:
- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 902 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0107 % vốn điều lệ
 - + Cổ phần đại diện sở hữu của các tổ chức, cá nhân khác: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0 % vốn điều lệ.

(8) Ông Nguyễn Quang Tuấn - Phó phòng, Phụ trách phòng Thị Trường:

- Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 05/02/1963
 - Nơi sinh: Á Lữ, Trần Phú, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Số CMND: 120014249. Ngày cấp: 22/11/2005. Nơi cấp: CATP Bắc Giang
 - Quê quán: Đại Từ, Đại Kim, Thanh Trì, Hà Nội
 - Địa chỉ thường trú: Số nhà 235, Đường Nguyễn Thị Lưu 2, Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
 - Số điện thoại liên lạc: 0913.567.895
 - Trình độ văn hoá: 10/10
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
 - Quá trình công tác:
 - + Từ 1981 – 1986: Công nhân xưởng Nhiệt, Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
 - + Từ 1986 – 1993: Công nhân xưởng sản xuất tổng hợp, Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
 - + Từ 1993 - 2008: Nhân viên phòng Thị trường, Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
 - + Từ 2008 – 7/2010: Nhân viên Phòng NVTH, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
 - + Từ 7/2010 – 3/2013: Phó phòng, Phòng NVTH, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
 - + Từ 3/2013 - Nay: Phó phòng, Phụ trách phòng thị trường, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
 - Số cổ phần bản thân nắm giữ: 5.680 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0676 % vốn điều lệ
- Trong đó:
- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 5.680 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0676 % vốn điều lệ
 - + Cổ phần đại diện sở hữu của các tổ chức, cá nhân khác: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

➤ **Những thay đổi trong Ban điều hành:**

Không có

➤ **Số lượng cán bộ, nhân viên:**

Số lượng người lao động trong Công ty tính đến ngày 31/12/2014 là 71 người.

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng quỹ trợ cấp mất việc làm, quỹ phúc lợi thăm hỏi động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống,... Các Tổ chức Đảng, tổ chức Công đoàn và tổ chức Đoàn thanh niên của Công ty cũng luôn được quan tâm xây dựng và không ngừng phát triển.

Công ty đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho toàn bộ cán bộ công nhân viên có hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên.

Hàng năm Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành.

Công ty có chính sách khuyến học đối với cán bộ công nhân viên. Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được vừa làm vừa học nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Công ty TNHH Tư vấn thuế, kế toán và kiểm toán AVINA-IAFC đã phát hành các Báo cáo kiểm toán quyết toán Dự án hoàn thành. Ngày 24/12/2014, HĐQT đã phê duyệt quyết toán Dự án đầu tư xây dựng công trình dây chuyền sản xuất Hydrogen Peroxide công suất 10.000 tấn/năm, nồng độ 50%.

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị: 500 triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm năm 2014 so với 2013
1. Tổng tài sản (cuối kỳ)	231.871.423.584	203,425,241,831	-12,27%
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	61.136.319.652	68,875,031,559	12,66%
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-5.716.766.214	-2,812,269,766	-50,81%
4. Lợi nhuận khác	-182.129.099	3,313,176,677	-1919,14%
5. Lợi nhuận trước thuế	-5.898.895.313	500,906,911	-108,49%
6. Lợi nhuận sau thuế	-5.898.895.313	500,906,911	-108,49%
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm	
		2013	2014
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (tại thời điểm 31/12) (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,86	0,67
- Hệ số thanh toán nhanh (tại thời điểm 31/12) [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	0,73	0,37
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản (tại thời điểm 31/12)	Lần	0,64	0,59
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	Lần	1,77	1,42
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	17,47	9,80
- Vòng quay Tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Vòng	0,26	0,34

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm	
		2013	2014
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	-0,10	0,01
- Hệ số LN sau thuế/Vốn CSH	%	-0,07	0,01
- Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	-0,03	0,002
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / DTT	%	-0,09	-0,04
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng	-984	60

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 8.400.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 8.400.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông:

➤ **Cơ cấu cổ đông của Công ty (tại thời điểm ngày 31/12/2014):**

TT	Danh mục	1.000 đồng	Tỷ lệ (%)
A	Tổng vốn chủ sở hữu:	84.000.000	100
1	- Cổ đông sáng lập:	69.828.000	83,13
2	- Cổ đông lớn (*):	69.828.000	83,13
3	- Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết:	13.172.000	15,68
4	- Cổ đông nắm giữ từ 1% đến dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết:	1.000.000	1,19
B	Trong đó:	84.000.000	100
1	- Nhà nước:	54.230.000	64,56
2	- Người nước ngoài:	0	0
3	- Người Việt Nam khác (không gồm Nhà nước):	29.770.000	35,44

➤ **Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty (tại thời điểm ngày 31/12/2014):**

TT	Tên	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần
1	Công ty TNHH một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang	2400120344	5.423.000	64,56%
2	CTCP Xuất nhập khẩu Hà Anh	Khối I, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Hà Nội	0101328911	999.800	11,90%
3	CTCP Hóa chất Công nghiệp Tân Long	Phòng 810 Nhà 18T2, chung cư Trung Hòa, Nhân Chính, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	0102014919	560.000	6,67%

➤ **Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ:**

TT	Tên	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần
1	Công ty TNHH một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang Tỉnh Bắc Giang	2400120344	2.856.000 (*)	51,00%
2	CTCP Xuất nhập khẩu Hà Anh	Khối I, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Hà Nội	0101328911	560.000 (**)	10,00%
3	CTCP Hóa chất Công nghiệp Tân Long	Phòng 810 Nhà 18T2, chung cư Trung Hòa, Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	0102014919	560.000	10,00%

(*) Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty TNHH một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc đang nắm giữ 5.423.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 64,56% vốn điều lệ của Công ty.

(**) Tại thời điểm 31/12/2014, CTCP Xuất nhập khẩu Hà Anh đang nắm giữ 999.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 11,90% vốn điều lệ của Công ty.

Ghi chú: Theo quy định tại Khoản 5, Điều 84, Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 thì cổ đông sáng lập của Công ty hiện nay không còn bị hạn chế chuyển nhượng.

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu Công ty trong năm 2014 là 84.000.000.000 đồng (Tám mươi tư tỷ đồng).

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Xem phụ lục 2: Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014

(Phần I. Kết quả thực hiện)

2. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2014	31/12/2014	Tăng/giảm	Tỷ lệ (%)
Tài sản	231.871	203.425	-28.446	-55,99%
- Tài sản ngắn hạn	28.272	14.476	-13.796	-48,80%
- Tài sản dài hạn	203.599	188.949	-14.650	-7,20%
Nguồn vốn	231.871	203.425	-28.446	-18,92%
- Nợ phải trả	148.269	119.321	-28.948	-19,52%
- Vốn chủ sở hữu	83.602	84.104	502	0,60%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Công ty tổ chức sản xuất theo 3 ca, 4 kíp, biên chế lao động vào các cương vị sản xuất và duy trì sản xuất ổn định trong năm qua. Để có nhân lực điều khuyết khi có người nghỉ phép, nghỉ chế độ, Công ty triển khai công tác đào tạo để một người có thể đảm nhận được một số cương vị trong dây chuyền để thay thế nhau và tổ chức chế độ 3 ca, 3 kíp đối với các cương vị có người nghỉ.

Duy trì kiểm tra kỷ luật lao động với việc chấp hành nội quy, quy định của Công ty, kết hợp với việc tuyên truyền vận động CNVC tự giác chấp hành.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Xem phụ lục 2: Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014

(Phần II. Mục tiêu, nhiệm vụ năm 2015 và các giải pháp thực hiện)

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Xem phụ lục 1: Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2014 và định hướng năm 2015

(Phần I. Báo cáo hoạt động năm 2014)

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Trong năm qua, HĐQT, Giám đốc công ty trong chỉ đạo điều hành tuân thủ nghiêm túc Điều lệ công ty, bám sát các mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao trên cơ sở nắm bắt diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô, biến động của thị trường để chỉ đạo, định hướng các hoạt động của Công ty.

HĐQT tổ chức các cuộc họp theo định kỳ theo quy định, nếu thấy cần thiết HĐQT tổ chức các cuộc họp đột xuất để chỉ đạo kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động SX-KD của Công ty. HĐQT đã kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh, đặc biệt vấn đề liên quan đến triển khai Dự án đầu tư, báo cáo thường kỳ các hoạt động SXKD, tiến độ thực hiện Dự án các vấn đề vướng mắc cần tháo gỡ. Tại các cuộc họp này, HĐQT đã đề nghị Giám đốc công ty báo cáo bổ sung một số vấn đề mà cổ đông quan tâm, minh bạch hóa các quan hệ có ảnh hưởng đến lợi ích của Cổ đông.

Các thành viên HĐQT làm việc với thái độ trung thực, khách quan, không vụ lợi vì lợi ích của Công ty, thực hiện đúng theo các nội quy, cơ chế hoạt động của Công ty quy định.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Xem phụ lục 1: Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2014 và định hướng năm 2015

(Phần II. Báo cáo hoạt động năm 2014)

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- HĐQT gồm 5 người trong đó có 4 thành viên không điều hành. Không có thành viên HĐQT độc lập.

TT	Họ và tên	Số CP cá nhân năm giữ	Số CP cá nhân đại diện	Tổng cộng	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Tổng Luận Chủ tịch HĐQT	3.093	2.520.000	2.523.093	30,037
2	Nguyễn Xuân Bắc Thành viên HĐQT	800	1.139.000	1.139.800	11,017
3	Nguyễn Đức Ninh Thành viên HĐQT	10.500	1.764.000	1.774.500	21,125
4	Trần Văn Quế Thành viên HĐQT	0	560.000	560.000	6,667
5	Nguyễn Minh Toàn Thành viên HĐQT	0	999.800	899.800	11,902
Tổng cộng		14.393	6.982.800	6.897.193	80,748

Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty lần thứ 5 tổ chức ngày 21/5/2013, kết thúc nhiệm kỳ 2008-2012 và bầu HĐQT nhiệm kỳ 2013-2017

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Xem phụ lục B: Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 20145

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành:

Các thành viên HĐQT không điều hành đã làm đúng chức năng của mình.

1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban kiểm soát:

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

TT	Họ và tên	Số CP cá nhân năm giữ	Số CP cá nhân đại diện	Tổng cộng	Tỷ lệ (%)
1	Đoàn Như Thương	14.652	0	14.652	0,174

	Trưởng ban kiểm soát				
2	Lê Thanh Hiếu	3.500	0	3.500	0,041
	Thành viên Ban kiểm soát				
3	Nguyễn Thị Thanh Vân	0	0	0	0
	Thành viên Ban kiểm soát				
	Tổng cộng	18.152	0	18.152	0,215

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Xem phụ lục 4: Báo cáo của Ban kiểm soát

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Chủ tịch HĐQT thù lao là: 1.500.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT thù lao là: 1.000.000 đồng/tháng
- Trưởng ban kiểm soát thù lao là: 500.000 đồng/tháng
- Thư ký HĐQT thù lao là: 400.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS thù lao là: 400.000 đồng/tháng.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không có

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty đã thực hiện tốt các quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng theo thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài Chính.

VI. Báo cáo tài chính:

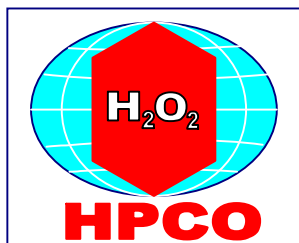
Xem phụ lục 5: Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



Nguyễn Xuân Bắc

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HOÁ CHẤT HÙNG PHÁT HÀ BẮC**



**PHỤ LỤC 1
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2014
VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2015**

Bắc Giang, Năm 2015Đ

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2015

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2014 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2015**
(Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015)

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2014.

1. Tình hình chung.

Ngay từ đầu năm 2014, Công ty gặp phải một số khó khăn:

Dây chuyền công nghệ chưa ổn định, kế hoạch SX-KD lại lệ thuộc vào dự án Đạm Hà Bắc. Sản phẩm mới đưa vào thị trường, lại phải cạnh tranh với hàng ngoại nhập nên sản lượng tiêu thụ thấp, dây chuyền nhiều khi phải ngừng do đầy kho chứa hoặc ngừng để xử lý công nghệ.

Nền kinh tế trong nước và quốc tế vẫn chưa thoát khỏi giai đoạn khủng hoảng. Chi phí lãi vay, chi phí khấu hao tài sản cố định và khoản trích chênh lệch tỷ giá giữa đồng Đô la Mỹ và Việt Nam đồng trong năm 2014 chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm đã ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của Công ty.

Căn cứ vào tình hình thực tiễn, Hội đồng quản trị công ty đã có các định hướng và quyết định chỉ đạo đưa Công ty vượt qua khó khăn, sản xuất kinh doanh Công ty hoàn thành các mục tiêu đề ra.

2. Công tác chỉ đạo điều hành:

Năm 2014, thực hiện theo Điều lệ Công ty và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông thường niên giao, HĐQT đã triển khai các công việc sau:

2.1. Thông qua các quyết định theo Quy chế hoạt động của Công ty.

- Phê duyệt thành lập tổ nghiên cứu ứng dụng sản phẩm H₂O₂.
- Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014.
- Ban hành quy chế quản trị Công ty.
- Ban hành quy chế quản lý tài chính
- Giao KH định mức nguyên nhiên vật liệu trong SX H₂O₂ năm 2014.
- Trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014.

2.2. Chỉ đạo các công việc liên quan đến công tác quyết toán Dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất Hydrogen peroxide (H₂O₂) công suất 10.000 tấn/năm nồng độ 50% (sau đây gọi là dự án).

Phê duyệt các đề xuất và chỉ đạo Giám đốc công ty hoàn thiện các tồn tại của Dự án, hoàn thiện hồ sơ quyết toán để nhanh chóng kết thúc và bàn giao Dự án.

- Phê duyệt điều chỉnh lãi vay đầu tư xây dựng DA H₂O₂.

- Phê duyệt quyết toán DA hoàn thành.

Hiện các hạng mục công trình của Dự án đầu tư đã bàn giao đưa vào vận hành tương đối ổn định. Đã quyết toán xong hợp đồng EPC.

2.3. Chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thông qua Giải pháp thị trường sản phẩm và phát triển thị trường cho sản phẩm H₂O₂ khi đưa ra thị trường.

Thường xuyên cùng với Công ty theo dõi, phân tích đánh giá công tác thị trường. Chỉ đạo việc mở rộng thị trường bán sản phẩm H₂O₂, triển khai làm can, chào giá, triển khai bán hàng bằng can ra thị trường.

Yêu cầu Công ty áp dụng các phương thức bán hàng đảm bảo lưu thông liên tục, có hiệu quả và không ảnh hưởng đến việc duy trì sản xuất liên tục do tồn hàng lưu kho.

Năm 2014, Công ty đã đưa dây chuyền vào sản xuất, đạt sản lượng trên 90% công suất thiết kế. Sản phẩm sản xuất ra đã tiêu thụ hết.

3. Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2014.

Một số chỉ tiêu chính:

- Giá trị tổng sản lượng	50.571.274.000	đồng
- Sản lượng H ₂ O ₂ (quy về nồng độ 50%)	9.315,31	Tấn
- Doanh thu bán hàng	68.837.512.000	đồng
- Lợi nhuận trước thuế	500.700.000	đồng
- Nộp ngân sách	3.019.240.000	đồng

4. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT, Ban điều hành.

Trong năm qua, HĐQT, Giám đốc công ty trong chỉ đạo điều hành tuân thủ nghiêm túc Điều lệ công ty, bám sát các mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao trên cơ sở nắm bắt diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô, biến động của thị trường để chỉ đạo, định hướng các hoạt động của Công ty. HĐQT tổ chức các cuộc họp theo định kỳ theo quy định, nếu thấy cần thiết HĐQT tổ chức các cuộc họp đột xuất để chỉ đạo kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động SX-KD của Công ty.

HĐQT đã kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh, đặc biệt vấn đề liên quan đến triển khai Dự án đầu tư, báo cáo thường kỳ các hoạt động SXKD, tiến độ thực hiện Dự án các vấn đề vướng mắc cần tháo gỡ. Tại các cuộc họp này, HĐQT đã đề nghị Giám đốc công ty báo cáo bổ sung một số vấn đề mà cổ đông quan tâm, minh bạch hóa các quan hệ có ảnh hưởng đến lợi ích của Cổ đông.

Năm 2014, Qua kiểm điểm các công tác thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên, HĐQT đã nhất trí đánh giá các thành viên hoàn thành nhiệm vụ được giao. Các thành viên HĐQT làm việc với thái độ trung thực, khách quan, không vụ lợi vì lợi ích của Công ty, thực hiện đúng theo các nội quy, cơ chế hoạt động của Công ty quy định.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2015.

1. Công tác điều hành SXKD.

- Chỉ đạo Công ty nhanh chóng làm chủ thiết bị dây chuyền vận hành đảm bảo các thông số kỹ thuật, đúng chất lượng theo thiết kế.

- Chỉ đạo đàm phán giảm lãi suất tiền vay trong điều kiện lãi suất ngân hàng giảm.

- Chỉ đạo Giám đốc công ty điều hành SX-KD cân đối sản xuất sản phẩm và xuất hàng ra thị trường đảm bảo thực hiện phương án có hiệu quả nhất và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra với 2 nhiệm vụ chính:

+ Chiếm lĩnh thị trường H_2O_2 trong nước.

+ Không để ngừng máy do để tồn kho sản phẩm.

- Kiểm soát việc thực hiện các quy chế quản trị, quy chế tài chính Công ty.

- Phê duyệt định mức tiêu hao nguyên vật liệu chủ yếu và định biên lao động theo đề nghị của Giám đốc công ty.

2. Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2015.

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2015
1	Giá trị tổng sản lượng	1000 đồng	63.360.000
2	Sản lượng H_2O_2 (quy về nồng độ 50%)	tấn	8.800
3	Doanh thu bán hàng	1000 đồng	69.718.000
	<i>Trong đó: sản phẩm H_2O_2</i>	“	<i>58.648.000</i>
4	Lợi nhuận trước thuế	“	511.550
5	Nộp ngân sách nhà nước	“	2.492.521
6	Cổ tức (dự kiến)	%	0

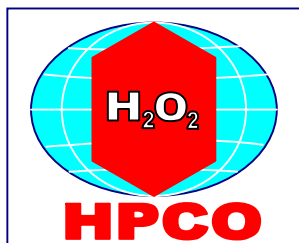
Hội đồng quản trị công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, gắn bó của các cổ đông. Chúng tôi hứa sẽ cùng Ban điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty cố gắng hết sức để hoàn thành các mục tiêu vì sự phát triển của Công ty và lợi ích của cổ đông./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Tổng Luận

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HOÁ CHẤT HÙNG PHÁT HÀ BẮC**



**PHỤ LỤC 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2014**

Bắc Giang, Năm 2015Đ

Bắc Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2015

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH
NĂM 2014**

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Trong năm 2014, Công ty có những thuận lợi, khó khăn sau:

1. Thuận lợi:

Người lao động ổn định tư tưởng và an tâm công tác, đã nắm được qui trình công nghệ và vận hành dây chuyền sản xuất ổn định, hiệu quả.

Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của HĐQT và sự hỗ trợ giúp đỡ của Công ty Mẹ.

2. Khó khăn:

Ngoài những thuận lợi nêu trên, Công ty gặp một số khó khăn đó là giá một số hóa chất nhập khẩu giá tăng mạnh. Chi phí lãi vay, chi phí khấu hao tài sản cố định và khoản trích chênh lệch tỷ giá giữa đồng Đô la Mỹ và Việt Nam đồng trong năm 2014 chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm là nguyên nhân chính ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công tác điều hành sản xuất bị động do phụ thuộc vào tình hình thực tế sản xuất của Công ty Đạm.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh

a. Kết quả sản xuất kinh doanh:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH năm 2014	Thực hiện năm 2014	So với (%)	
					KH năm	Cùng kỳ
I	Sản lượng sản phẩm					
1	Sản lượng sản xuất (Quy 50%)	tấn	9.100	9.315,31	102,4	132,2
1.1	Ôxy già 50%	tấn	8.400	8.548,25	101,8	136,1
1.2	Ôxy già 35%	tấn	1.000	1.095,80	109,6	99,7
2	Sản lượng tiêu thụ (Quy 50%)		9.100	9.255,51	101,7	129,1
2.1	Ôxy già 50%	tấn	8.400	8.498,25	101,2	133,0
2.2	Ôxy già 35%	tấn	1.000	1.081,80	108,2	96,9
2.3	Đạm Urê	tấn	3.600	1.417,50	39,4	44,8

II	Giá trị tổng sản lượng	1000 đ	65.520.000	67.070.232	102,4	132,2
III	Nộp Ngân sách nhà nước	1000 đ	3.190.579	3.041.792	85,3	151,0
IV	Giá trị sửa chữa lớn	1000 đ	0	1.042.376	-	-
V	Đầu tư, xây dựng					
1	Số hạng mục	cái	4	1	25,0	-
2	Giá trị	1000 đ	1.545.000	170.000	11,0	-
VI	Lao động tiền lương					
1	Tổng số lao động	người	76	71	92,8	105,2
1.1	Cán bộ quản lý	người	3	3	100	100
1.2	Người lao động	người	73	68	93	100
2	Tổng quỹ lương	1000 đ	5.404.999	5.181.863	95,9	113,0
	- Trong đó: lương SP H ₂ O ₂	1000 đ	5.299.015	5.141.792	97,0	115,2
3	Tiền lương BQ sản xuất H ₂ O ₂	đ/ng/th	5.810.324	5.418.626	93,25	97,6
VII	Doanh thu tiêu thụ	1000đ	88.348.000	68.837.512	77,9	86,9
	Trong đó: Sản phẩm H ₂ O ₂	1000đ	59.548.000	57.948.741	97,3	128,0
VIII	Lợi nhuận trước thuế	1000đ	160.547	500.907	311,9	-

b. Công tác điều hành sản xuất, quản lý thiết bị, định mức, chất lượng sản phẩm:

Công tác quản lý sản xuất: Duy trì sản xuất 308 ngày, ngừng máy 9 lần với 57 ngày, trong đó ngừng máy theo kế hoạch 34 ngày để đảo và tái sinh xúc tác, củng cố sửa chữa thiết bị, ngừng do sự cố thiết bị và công nghệ 1 ngày và do Công ty Đạm ngừng máy sửa chữa và sự cố 22 ngày. Duy trì sản xuất công đoạn sản phẩm loãng ở mức 93% công suất thiết kế nhằm ổn định công nghệ sản xuất và nâng cao chất lượng dịch công tác.

Công tác quản lý thiết bị: Tiến hành nạp ga đưa hệ thống thiết bị nước nhiệt độ thấp M3401B vào hoạt động. Sửa chữa và thay thế thiết bị trao đổi nhiệt E1201A, B, thay mới và chuyển vị trí lắp đặt thiết bị trao đổi nhiệt E1105, tiến hành sửa chữa khắc phục sự cố bộ lọc nước tuần hoàn, tẩy rửa cầu cặn các thiết bị trao đổi nhiệt. Các thiết bị còn lại của toàn dây chuyền hoạt động ổn định, đạt các thông số công nghệ.

Các định mức tiêu hao năm 2014 đều thấp hơn định mức kế hoạch, riêng định mức EAQ cao hơn định mức kế hoạch giao là 13,7%. Giá trị tiết kiệm do giảm định mức tiêu hao năm 2014 là 2,906 tỷ đồng so với định mức kế hoạch giao, trong đó tiết kiệm định mức điện, hơi nước và khí Hydro nguyên liệu là 2,11 tỷ đồng, được Hội đồng quản trị công ty thưởng 147,764 triệu đồng.

Chất lượng sản phẩm ôxy già sản xuất ra đạt tiêu chuẩn GB1616-2003, đã được thị trường chấp nhận.

c. Công tác thị trường, tiêu thụ sản phẩm, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu:

Duy trì phương thức bán hàng qua các nhà phân phối, ký hợp đồng bán hàng với Công ty TNHH Trần Lê Anh, Công ty Cổ phần Ứng dụng kỹ thuật KUKJEA Việt Nam, Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại Tấn Tài, Công ty Cổ phần PETACO Việt Nam, triển khai bán lẻ tại Công ty, tiếp tục hỗ trợ các nhà phân phối của Công ty bán hàng bằng cách trực tiếp cùng nhà phân phối đến các hộ sử dụng sản phẩm Ôxy già để quảng bá sản phẩm và xúc tiến bán hàng. Triển khai làm can và giao dịch với các đơn vị sử dụng và nhập khẩu Ôxy già bằng can để chào giá, triển khai bán hàng bằng can của Công ty nhằm chiếm lĩnh các thị trường sử dụng hàng nhập khẩu bằng can ở khu vực phía Bắc trong thời gian sớm nhất.

Việc quảng bá sản phẩm và xúc tiến thương mại đã được Công ty đặc biệt quan tâm, Công ty tiếp tục gửi hàng mẫu chào hàng cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng, lắng nghe các ý kiến phản hồi từ người sử dụng để từng bước cải tiến chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu về chất lượng của ngành tẩy nhuộm, hàng dệt may xuất khẩu.

d. Công tác tổ chức sản xuất, quản lý lao động, tiền lương và đào tạo

Duy trì sản xuất theo chế độ 3 ca, 4 kíp, bố trí lao động hợp lý, tiếp tục triển khai công tác đào tạo để một người có thể đảm nhận được một số cương vị trong dây chuyền để thay thế nhau khi có người nghỉ và tổ chức chế độ 3 ca, 3 kíp đối với các cương vị có người nghỉ. Duy trì kiểm tra kỷ luật lao động với việc chấp hành nội quy, quy định của Công ty, kết hợp với việc tuyên truyền vận động người lao động tự giác chấp hành.

Ban hành quy chế trả lương mới, áp dụng thực hiện từ tháng 1/2014 đã góp phần ổn định tư tưởng và an tâm công tác cho người lao động, khuyến khích người lao động hăng say lao động sản xuất. Tiền lương bình quân sản xuất Ôxy già năm 2014 của người lao động công ty đạt 5.418.000 đ/ng/tháng.

e. Công tác kế hoạch, quản lý cung ứng vật tư, quản lý giá bán sản phẩm và tài chính

Công tác kế hoạch: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 do Công ty lập đã được HĐQT phê duyệt và Đại hội Cổ đông thông qua. Kế hoạch hàng tháng, quý được xây dựng sát với thực tế từng thời điểm và được ban hành và triển khai thực hiện.

Công tác quản lý vật tư: Duy trì số lượng vật tư tồn kho hợp lý đáp ứng đủ cho sản xuất. Việc quản lý giá vật tư đầu vào đã được thực hiện tốt đúng Quy định về công tác mua vật tư của Công ty. Vật tư đã qua sử dụng được thu hồi phân loại, vật tư thu hồi Công ty không có nhu cầu sử dụng được bán để thu hồi vốn, trong năm đã bán thu hồi được 35,258 triệu đồng.

Công tác quản lý giá bán sản phẩm: Thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình nhập khẩu Ôxy già giúp cho Công ty xác định được giá bán hợp lý, sát

với giá thị trường, tạo được sự cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu, tiếp tục mở rộng thị trường thay thế hàng nhập khẩu và đã đạt mục tiêu tiêu thụ hết sản phẩm sản xuất ra.

Công tác tài chính và quản lý vốn: Lãi suất cho vay của các ngân hàng trong năm 2014 giảm so với đầu năm, Công ty đã chủ động thu xếp cân đối các nguồn vốn, đáo nợ kịp thời và đàm phán với Ngân hàng cho vay vốn để được hưởng lãi xuất thấp, cụ thể lãi vay vốn đầu tư giảm từ 7,5%/năm xuống còn 6,5%, lãi vay vốn lưu động giảm từ 9,5%/năm xuống 7,5%/năm.

Cân đối nguồn thu để ưu tiên trả nợ gốc vay vốn đầu tư, trong năm 2014 đã trả nợ Ngân hàng được 12,621 tỷ đồng tương đương 537.145 Đô la Mỹ, giảm mức dư nợ vốn đầu tư xuống còn 5,054 triệu Đô la Mỹ. Ngoài ra Công ty còn chích dự phòng chênh lệch tỷ giá vay vốn đầu tư bằng Đô la Mỹ là 3,029 tỷ đồng trong giai đoạn đầu tư và năm 2014.

Hoàn thành quyết toán vốn Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất Hydrogen Peroxide công suất 10.000 tấn/năm nồng độ 50% với giá trị là 226,385 tỷ đồng bằng 99,5% tổng mức đầu tư được duyệt cho dự án, trong đó thuế GTGT của dự án được khấu trừ là 18,832 tỷ đồng.

Phê duyệt và ban hành Quy chế tài chính của Công ty.

f. Công tác an toàn, bảo hộ lao động và vệ sinh môi trường

Định kỳ hàng năm triển khai kiểm định thiết bị đường ống chịu áp, hiệu chỉnh thiết bị đo lường. Toàn thể người lao động của Công ty được đào tạo an toàn trước khi đảm nhận các cương vị sản xuất và được trang bị đầy đủ trang thiết bị an toàn, bảo hộ lao động khi làm việc và được tập huấn, huấn luyện phòng cháy chữa cháy theo định kỳ hàng năm.

Thành lập mạng lưới an toàn – vệ sinh viên và tổ sơ cấp cứu ban đầu, ban hành quy chế hoạt động mạng lưới an toàn – vệ sinh viên và triển khai hoạt động.

Công tác vệ sinh môi trường: Công ty đã ký và thực hiện hợp đồng xử lý chất thải nguy hại, hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt, duy trì thường xuyên công tác vệ sinh máy móc thiết bị và nơi làm việc.

Trong năm có 12 sáng kiến được xét công nhận bằng 109% so với kế hoạch với giá trị làm lợi là 2,6 tỷ đồng, được thưởng 26,3 triệu đồng.

PHẦN THỨ HAI

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2015 VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. Đặc điểm tình hình:

Các nguyên nhân sau đã trực tiếp ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty.

1. Quỹ thời gian cho sản xuất trong năm 2015 giảm do Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc dừng máy đầu phối với dây chuyền mới, không thể cung cấp nguyên nhiên liệu đầu vào cho Công ty duy trì sản xuất.

2. Giá điện, giá nguyên nhiên liệu đầu vào mua của Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tiếp tục tăng sau khi dự án mở rộng nhà máy đạm đi vào sản xuất trong khi đó giá ôxy già nhập khẩu vẫn ở mức thấp.

3. Xúc tác paladi đã đến cuối thời kỳ cần phải thay thế, lãi vay vốn đầu tư, các khoản trích dự phòng chênh lệch tỷ giá Đô la Mỹ.

II. Mục tiêu, kế hoạch năm 2015.

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2015	So với thực hiện 2014 (%)
I	Sản lượng sản phẩm			
1	Sản lượng sản xuất (Quy 50%)	tấn	8.800	94,5
1.1	Ôxy già 50%	tấn	7.820	91,5
1.2	Ôxy già 35%	tấn	1.400	127,8
2	Sản lượng tiêu thụ (Quy 50%)	tấn	8.800	95,0
2.1	Ôxy già 50%	tấn	7.820	91,9
2.2	Ôxy già 35%	tấn	1.400	129,4
2.3	Đạm Urê	tấn	1.500	105,8
II	Giá trị tổng sản lượng	1000 đ	63.360.000	94,5
III	Nộp Ngân sách nhà nước	1000 đ	2.492.521	81,9
IV	Lao động tiền lương			
1	Tổng số lao động	người	71	100,0
1.1	Cán bộ quản lý	người	3	100,0
1.2	Người lao động	người	68	100,0
2	Tổng quỹ lương	đồng	5.194.886	100,3
	- Trong đó: Quỹ lương H ₂ O ₂ của người lao động	đồng	4.463.113	100,2
3	Tiền lương BQ sản xuất H ₂ O ₂ của người lao động	đ/ng/th	5.469.500	100,9
V	Doanh thu tiêu thụ	1000đ	69.718.000	103,0
	Trong đó: Sản phẩm H ₂ O ₂	1000đ	58.648.000	103,3
VI	Lợi nhuận trước thuế	1000đ	511.550	102,1

2. Các giải pháp thực hiện:

2.1. Công tác điều hành sản xuất, quản lý thiết bị, định mức:

Khai thác tốt năng lực sản xuất của dây chuyền, chỉ đạo điều hành sản xuất linh hoạt, có kế hoạch sửa chữa củng cố thiết bị vào các đợt Công ty Dạm dừng máy, tận dụng tối đa quỹ thời gian khi Công ty Dạm sản xuất bình thường để duy trì sản xuất đạt sản lượng cao nhất.

Kiểm soát các định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, kiểm tra hệ thống đo lường đảm bảo phản ánh trung thực số liệu tiêu hao để phục vụ cho điều hành sản xuất và hạch toán nội bộ.

Triển khai thực hiện công tác duy tu bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị định kỳ theo kế hoạch, hạn chế không để xảy ra cố phải ngừng máy.

Cấp phát vật tư cho sản xuất theo đúng định mức ban hành. Tiếp tục rà soát lại vật tư dự phòng đáp ứng cho sản xuất, không để phải ngừng máy do không có vật tư dự phòng thay thế. Lập đơn hàng nhập khẩu vật tư chi tiết trong nước không có để triển khai tìm nguồn nhập khẩu để có chi tiết vật tư dự phòng cho sản xuất nhất là các thiết bị động đơn chiếc không có dự phòng.

2.2 Công tác tiêu thụ:

Tiếp tục duy trì hệ thống nhà phân phối nhằm giữ vững thị trường đã tiếp cận được, cùng nhà phân phối tiếp cận với các khách hàng mới, sử dụng sản phẩm Ôxy già nhằm phát triển thị trường. Tiếp tục tìm kiếm và phát hiện các đơn vị sử dụng Ôxy già, thống kê nhu cầu sử dụng, xúc tiến chào hàng và hỗ trợ các nhà phân phối tiếp cận để bán hàng.

Cân đối lượng hàng sản xuất, tiêu thụ trên cơ sở ưu tiên cung cấp cho thị trường Miền Bắc và ưu tiên bán sản phẩm bằng stec chuyên dụng, can bồn quay vòng. Sản lượng sản xuất còn lại đóng can của Công ty để tiêu thụ nhằm khai thác thị trường các khách hàng quen dùng can với mục tiêu bán hết sản lượng sản xuất, không để tồn kho, đôn đốc thanh toán tiền hàng, hạn chế tối đa tiền nợ đọng nhằm giảm lãi vay vốn lưu động.

Thường xuyên cập nhật thông tin về nhập khẩu Ôxy già để có chính sách giá bán phù hợp với giá thị trường nhằm mục tiêu phát triển thị trường tiêu thụ hết sản lượng sản xuất.

2.3 Công tác kế hoạch, vật tư, tài chính

Nắm bắt, cập nhật diễn biến giá cả vật tư để xây dựng kế hoạch tháng, quý sát với thực tế nhằm điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

Cân đối đảm bảo vật tư cho sản xuất với việc hạn chế tối đa lượng tồn kho nhằm giảm chi phí lãi vay vốn lưu động. Kiểm soát giá mua vật tư theo đúng quy định mua vật tư của Công ty.

Chú trọng công tác quản lý vốn vay nhằm giảm chi phí lãi vay vốn đầu tư.

2.4 Công tác tổ chức sản xuất, quản lý lao động, tiền lương và đào tạo

Tiếp tục chương trình đào tạo nâng cao trình độ để một người có thể đảm nhận được một vài cương vị sản xuất khác nhau, điền khuyết khi có người nghỉ.

Duy trì kiểm tra kỷ luật lao động và nội quy của Công ty, xử lý nghiêm khắc với các trường hợp vi phạm.

Trong năm 2015, Công ty tiếp tục cân đối nguồn thu để ưu tiên trả nợ, phần đầu trả nợ gốc vay vốn đầu tư là 10,514 tỷ đồng tương đương 490.000 Đôla Mỹ, giảm mức dư nợ vốn đầu tư từ 5,054 triệu USD xuống còn 4,564 triệu Đôla Mỹ. Trả lãi vay vốn đầu tư cho ngân hàng 294.839 USD tương đương 6,326 tỷ đồng. Trích dự phòng chênh lệch tỷ giá vay vốn đầu tư bằng Đô la Mỹ là 2,262 tỷ đồng. Do dự án đầu tư mới đi vào sản xuất, các khoản trả nợ vốn vay đầu tư và lãi vay lớn, lợi nhuận năm 2013 còn âm, do vậy trong năm 2014 và 2015 vẫn chưa có nguồn để chia cổ tức. Công ty tiếp tục phân đầu trả nợ gốc vốn vay đầu tư để giảm lãi vay, khi đó sản xuất kinh doanh của Công ty mới có hiệu quả và có nguồn để chia cổ tức trong các năm sau.

Nơi nhận:

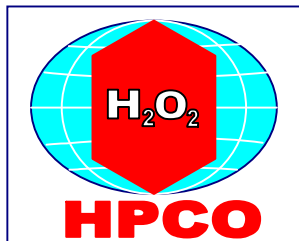
- HĐQT công ty;
- Lưu VT, NVTH.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY 



Nguyễn Xuân Bắc

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HOÁ CHẤT HÙNG PHÁT HÀ BẮC**



**PHỤ LỤC 3
BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
NĂM 2014**

Bắc Giang, Năm 2015Đ

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
năm 2014**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán

- Tên công ty đại chúng: Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
- Địa chỉ trụ sở chính: phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
- Điện thoại: 02403526066 Fax: 02403526066 Email:
- Vốn điều lệ: **84.000.000.000** đồng
- Mã chứng khoán (nếu có):

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị :

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ô. Nguyễn Tổng Luận	CT.HĐQT	04	100%	
2	Ô. Nguyễn Xuân Bắc	UV	04	“	
3	Ô. Nguyễn Đức Ninh	UV	04	“	
4	Ô. Trần Văn Quế	UV	04	“	
5	Ô. Nguyễn Minh Toàn	UV	04	“	

Ghi chú: Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty lần thứ 6 tổ chức ngày 15/4/2014.

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc:

HĐQT yêu cầu Giám đốc công ty báo cáo định kỳ hàng tháng, quý tình hình hoạt động SX-KD, tiến độ thực hiện, quyết toán Dự án của Công ty và có các chỉ đạo kịp thời để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình SX-KD cũng như quyết toán Dự án.

II. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết Quyết định	Ngày	Nội dung
1	06/QĐ-HPCO	24/02/2014	V/v phê duyệt điều chỉnh lãi vay đầu tư dự án H2O2
2	08/QĐ-HPCO	24/3/2014	V/v nâng lương Ô. Nguyễn Thế Hùng, PGD.
3	15/QĐ-HPCO	25/3/2014	V/v thành lập ban tổ chức ĐHĐCĐ 2014
4	21/QĐ-HPCO	18/4/2014	V/v phê duyệt KHSXKD năm 2014
5	20/QĐ/HPCO	18/4/2014	Ban hành KH đơn giá tiền lương kinh doanh năm 2014.
6	22/QĐ-HPCO	29/4/2014	Thành lập Tổ nghiên cứu ứng dụng SP
7	36/QĐ-HPCO	16/7/2014	V/v ban hành quy chế quản trị Công ty
8	37/QĐ-HPCO	16/7/2014	V/v ban hành quy chế quản lý tài chính
9	59/QĐ-HPCO		V/v giao KH định mức nguyên nhiên vật liệu trong SX H2O2 năm 2014.
10	76/QĐ-HPCO	24/12/2014	V/v phê duyệt quyết toán DA hoàn thành.

III. Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán:

Danh sách người liên quan trong Biểu số 1 đính kèm theo Báo cáo.

IV. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan:

1. Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan

Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan trong Biểu số 2 đính kèm theo Báo cáo.

2. Giao dịch cổ phiếu:

Không có giao dịch.

3. Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty).

Không có giao dịch.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: Công ty



Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Tổng Luận



Biểu số 1
(đính kèm theo Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2014)

III. Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp CMND/ĐKKD	Nơi cấp CMND/ĐKKD	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do
1	Nguyễn Xuân Bắc		Giám đốc Công ty UV HDQT	Số 220, đường Nguyễn Khuyến, phường Hoàng Văn Thụ, T.P. Bắc Giang - Tỉnh Bắc Giang	121101194	31/5/2006	CA Bắc Giang	21/5/2013		
2	Trần Văn Quế		UV HDQT	Vinh Tân, TP Vinh, tỉnh Nghệ An	187187973	01/07/10	CA Nghệ An	21/5/2013		
3	Nguyễn Minh Toàn		UV HDQT	Số 7, tổ 3, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội	011183079	18/9/2008	CA Hà Nội	21/5/2013		
4	Đoàn Như Thương		Trưởng ban kiểm soát công ty	Số 207 - Đường Hoàng Hoa Thám - Xã Đa Mai - TP. Bắc Giang - Tỉnh Bắc Giang	121405423	23/6/2009	CA Bắc Giang	21/5/2013		
5	Lê Thanh Hiếu		Thành viên Ban kiểm soát	Số nhà 37 - Tổ dân phố Hà Vĩ 1 - Thụ Xương - Bắc Giang	120015814	17/05/2005	CA Bắc Giang	21/5/2013		
6	Nguyễn Thị Thanh Vân		Thành viên ban kiểm soát công ty	Dốc Lã, Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	012051782	16/3/2013	CA Hà Nội	21/5/2013		



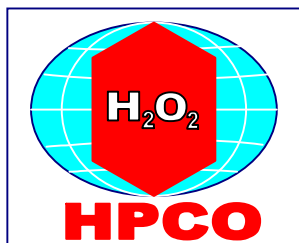
Biểu số 2
(đính kèm theo Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2014)

IV. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan:

1. Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	Địa chỉ	Số điện thoại	Số CMDN	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phần sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Tổng Luận		Chủ tịch HĐQT	Số 18 - Tổ 18 - Phường Trần Nguyên Hân - TP. Bắc Giang - Tỉnh Bắc Giang	0912.164.260	121085859	15/12/1998	CA Bắc Giang	3.093	0,037%
2	Nguyễn Đức Ninh		Thành viên HĐQT	Số 412 - Đường Lê Lợi - Hoàng Văn Thụ - Thành Phố Bắc Giang	0913.521.230	120437977	09/05/2006	CA Bắc Giang	10.500	0,125%
3	Nguyễn Xuân Bắc		Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty	Lô 96 - L15 - Làn 2 - Đường Nguyễn Thị Minh Khai - Hoàng Văn Thụ - Bắc Giang	0915.066.392	121101194	31/05/2006	CA Bắc Giang	800	0,010%
4	Nguyễn Thị Minh		Vợ Ông Nguyễn Xuân Bắc - Giám đốc Công ty	Lô 96 - L15 - Làn 2 - Đường Nguyễn Thị Minh Khai - Hoàng Văn Thụ - Bắc Giang	0973.443.125	121176029	01/06/2006	CA Bắc Giang	3.618	0,043%
5	Đoàn Như Thương		Trưởng ban kiểm soát công ty	Số 207 - Đường Hoàng Hoa Thám - Xã Đa Mai - TP. Bắc Giang - Tỉnh Bắc Giang	0912.859.514	121405423	23/6/2009	CA Bắc Giang	14.652	0,174%
6	Đỗ Thị Thu Hà		Vợ Ông Đoàn Như Thương - Trưởng ban kiểm soát	Số 207 - Đường Hoàng Hoa Thám - Xã Đa Mai - TP. Bắc Giang - Tỉnh Bắc Giang	0240.524.132	121176020	26/05/2008	CA Bắc Giang	2.861	0,034%
7	Lê Thanh Hiếu		Thành viên Ban kiểm soát	Số nhà 37 - Tổ dân phố Hà Vị 1 - Thụ Xương - Bắc Giang	0912.765.606	120015814	17/05/2005	CA Bắc Giang	3.500	0,042%
8	Lê Anh Tuấn		Kế toán trưởng	Phòng 105 - Khu TT B4 - Trần Nguyên Hân - Bắc Giang	0982.211.214	111592487	21/03/1999	CA Hà Tây	500	0,006%

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HOÁ CHẤT HÙNG PHÁT HÀ BẮC**



**PHỤ LỤC 4
BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
NĂM 2014**

Bắc Giang, Năm 2015Đ

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2015

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015**

Căn cứ nhiệm vụ của Kiểm soát viên được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được thông qua tại đại hội cổ đông thường niên năm 2014

Căn cứ tình hình hoạt động và báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH tư vấn thuế, kế toán và kiểm toán AVINA-IAFC.

Ban Kiểm soát xin báo cáo trước ĐHĐ CĐ về nội dung hoạt động của Ban kiểm soát năm 2014, phương hướng nhiệm vụ năm 2015

Phần I

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của Ban kiểm soát năm 2014

1- Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và điều lệ của HPCO trong việc quản trị, điều hành công ty:

-Ban kiểm soát nhận thấy Hoạt động của Hội đồng quản trị tương đối nề nếp, có kế hoạch cụ thể, duy trì các cuộc họp đúng quy định của điều lệ Công ty. Trong các cuộc họp có ra các nghị quyết để Giám đốc thực hiện. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đúng với pháp luật và phù hợp với thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty.

-Giám đốc công ty thực hiện tương đối nghiêm túc các nghị quyết của Hội đồng quản trị, một số công việc chưa thực hiện đều có báo cáo giải trình tại các cuộc họp của Hội đồng.

-Các phòng bộ phận chức năng của Công ty có sự phối hợp hoạt động tốt. Khối kỹ thuật sản xuất đã từng bước làm chủ được công nghệ sản xuất, sản xuất ổn định với chất lượng đảm bảo với sản lượng cao, định mức giảm so với định mức mà Hội đồng quản trị ban hành; khối nghiệp vụ đã chủ động nắm bắt những vấn đề chế tài chính; đã chủ động bàn bạc với các Ngân hàng để điều chỉnh lãi suất; cập nhật những quy định về hạch toán của Nhà nước để xây dựng báo cáo tài chính đúng chuẩn mực.

2-Hoạt động của Ban kiểm soát

Năm 2014 Ban Kiểm soát đã duy trì kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ, tài liệu, chứng từ và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, của Giám đốc Công ty. Việc trao đổi công việc của các thành viên Ban kiểm soát chủ yếu thông qua các phương tiện như Điện thoại, internet:

- Kiểm soát quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, kế hoạch lao động tiền lương và thu nhập.
- Kiểm soát việc xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.
- Giám sát việc sử dụng vốn kinh doanh của Công ty.
- Phối hợp cùng bộ phận chuyên môn của Công ty trong việc kiểm toán vốn đầu tư dự án.
- Cử người tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Cho ý kiến về các vấn đề liên quan đến kiểm toán quyết toán vốn đầu tư, hạch toán kế toán, các biện pháp liên quan đến tiền lương, tiêu thụ sản phẩm và những ý kiến mà Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.

3- Thực hiện thẩm tra báo cáo tài chính năm 2014

3.1 Căn cứ thẩm tra báo cáo tài chính của công ty.

Báo cáo tài chính năm 2014 do công ty tư vấn thuế, kế toán & kiểm toán AVINA-IAFC thực hiện. Bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

3.2 Kết quả thẩm tra báo cáo tài chính năm 2014

* Ban kiểm soát xác nhận: Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty do Công ty tư vấn thuế, kế toán & kiểm toán AVINA-IAFC kiểm toán được lập theo đúng quy định của Luật kế toán và các quy định của chuẩn mực kế toán đủ độ tin cậy.

* Những chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2014:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (DẠNG RÚT GỌN)

TT	Chỉ Tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Chênh lệch (2014-2013)
I	Tổng cộng tài sản	231.871.423.584	203.425.241.831	-28.446.181.753
A	Tài sản ngắn hạn	28.272.136.044	14.475.794.260	-13.796.341.784
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	20.031.034.319	4.786.544.823	-15.244.489.496
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	3.678.078.805	3.154.786.719	-523.292.086
4	Hàng tồn kho	4.251.473.952	6.421.262.718	2.169.788.766
5	Tài sản ngắn hạn khác	311.548.968	113.200.000	-198.348.968
B	Tài sản dài hạn	203.599.287.540	188.949.447.571	-14.649.839.969
1	Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0
2	Tài sản cố định	194.784.449.492	184.559.577.508	-10.224.871.984
3	Tài sản dài hạn khác	8.814.838.048	4.389.870.063	-4.424.967.985
II	Tổng cộng nguồn vốn	231.871.423.584	203.425.241.831	-28.446.181.753
A	Nợ phải trả	148.269.052.897	119.321.964.233	-28.947.088.664
1	Nợ ngắn hạn	32.758.911.292	21.532.813.602	-11.226.097.690
2	Nợ dài hạn	115.510.141.605	97.789.150.631	-17.720.990.974
B	Vốn chủ sở hữu	83.602.370.687	84.103.277.598	500.906.911
I	Vốn chủ sở hữu	83.602.370.687	84.103.277.598	500.906.911
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	84.000.000.000	84.000.000.000	0
2	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0	0
3	Quỹ đầu tư phát triển	4.125.950.000	4.125.950.000	0
4	Quỹ dự phòng tài chính	1.375.316.000	1.375.316.000	0
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-5.898.895.313	-5.397.988.402	500.906.911
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	0		

KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ Tiêu	Năm nay	Năm trước	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	68.875.031.559	61.136.319.652	7.738.711.907
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0	0
3. Doanh thu thuần	68.875.031.559	61.136.319.652	7.738.711.907
4. Giá vốn hàng bán	52.317.050.223	54.210.052.218	-1.893.001.995
5. Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	16.557.981.336	6.926.267.434	9.631.713.902
6. Doanh thu hoạt động tài chính	210.620.731	115.821.672	94.799.059
7. Chi phí tài chính	11.532.158.174	7.672.074.607	3.860.083.567
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>8.502.810.571</i>	<i>6.687.279.157</i>	<i>1.815.531.414</i>
8. Chi phí bán hàng	4.020.145.210	1.930.148.132	2.089.997.078
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.028.568.449	3.156.632.581	871.935.868
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-2.812.269.766	-5.716.766.214	2.904.496.448
11. Thu nhập khác	3.316.071.074	100.000	3.315.971.074
12. Chi phí khác	2.894.397	182.229.099	-179.334.702
13. Lợi nhuận khác	3.313.176.677	-182.129.099	3.495.305.776
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	500.906.911	-5.898.895.313	6.399.802.224
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	0	0	0
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	500.906.911	-5.898.895.313	6.399.802.224

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CÔNG TY ĐÃ THỰC HIỆN
(so với KHSXKD theo nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2014)

Chỉ Tiêu	Thực hiện	Kế hoạch	Chênh lệch	%HT
1. Vốn điều lệ	84.000.000.000	84.000.000.000	0	100
2. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	68.875.031.559	88.348.000.000	-19.472.968.441	78
Trong đó: Doanh thu H2O2	57.948.741.000	59.548.000.000		97,3
Kinh doanh khác	10.926.290.559	28.800.000.000		37,9
3. Lợi nhuận trước thuế	500.906.911	160.547.000	340.359.911	312
4. Nộp ngân sách nhà nước	3.041.821.000	3.190.579.000	-148.758.000	95
5. Chi trả cổ tức				

Phần II- Ban Kiểm soát đề nghị:

Dự án Đầu tư dây chuyền sản xuất H_2O_2 đã hoàn thành xây dựng và quyết toán vốn đầu tư, nhà máy đã đi vào vận hành thương mại cung cấp sản phẩm cho thị trường trong khoảng thời gian đủ dài để chiếm lĩnh thị trường và khẳng định chất lượng. Sản lượng sản xuất và tiêu thụ đã gần đạt công suất thiết kế. Để đảm bảo lợi ích cho các nhà đầu tư vốn, đề nghị Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty có những chính sách phù hợp để sớm phát huy hiệu quả của Dự án, giảm bớt lỗ để sớm có lợi tức cho cổ đông.

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên



Lê Thanh Hiếu

Trưởng ban



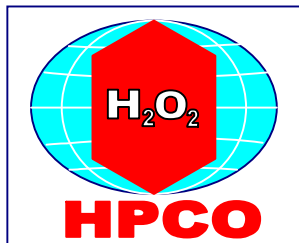
Đoàn Như Thương

Nguyễn Thị Thanh Vân

Nơi nhận:

- Hội đồng quản trị;
- Giám đốc;
- Lưu VT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HOÁ CHẤT HÙNG PHÁT HÀ BẮC**



**PHỤ LỤC 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN
NĂM 2014**

Bắc Giang, Năm 2015Đ



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA-IAFC
AVINA-IAFC TAX CONSULTANCY, AUDITING & ACCOUNTING CO.,LTD

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

AVINAIAFC
professional & quality

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
THÔNG TIN CHUNG	2
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HUNG PHÁT HÀ BẮC
Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc là công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400395807 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/02/2008 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 24/12/2013.

Vốn điều lệ là 84.000.000.000 đồng (Tám mươi bốn tỷ đồng chẵn).

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Ha Bac Hung Phat Chemical Joint Stock Company.

Tên viết tắt: HPCO.

Trụ sở chính của Công ty tại: Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

Sản xuất và mua bán H_2O_2 , phân bón phục vụ nông nghiệp và các loại hóa chất khác. Kinh doanh vật tư nông nghiệp. Xuất nhập khẩu các sản phẩm hóa chất và phân bón, nguyên vật liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, máy móc thiết bị và các mặt hàng mà Công ty kinh doanh. Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi các loại hàng hóa. Kinh doanh vận tải hàng hóa. Buôn bán máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Mua bán cổ phiếu, trái phiếu trên thị trường chứng khoán theo quy định của Nhà nước, liên danh, liên kết với các công ty chứng khoán. Kinh doanh bất động sản. Xây dựng các công trình xây dựng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, kinh doanh vật liệu xây dựng. Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng, hoàn thiện các công trình xây dựng. Liên danh, liên kết với các tổ chức trong và ngoài nước.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Tổng Luận	Chủ tịch HĐQT
	Ông Nguyễn Xuân Bắc	Ủy viên
	Ông Nguyễn Đức Ninh	Ủy viên
	Ông Trần Văn Quế	Ủy viên
	Ông Nguyễn Minh Toàn	Ủy viên
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Xuân Bắc	Giám đốc
	Ông Nguyễn Thế Hùng	Phó Giám đốc
Ban Kiểm soát	Ông Đoàn Như Thương	Trưởng ban kiểm soát
	Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên
	Ông Lê Thanh Hiếu	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Xuân Bắc - Giám đốc Công ty.

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA- IAFC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2014 cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC

Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng phát Hà Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau.

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 06 đến trang 30. Các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng phát Hà Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Xuân Bắc
Giám đốc

Bắc Giang, 09 tháng 3 năm 2015

Số : 19/2015/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi:****Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc, được lập ngày 09 tháng 3 năm 2015, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong năm, Công ty đang ghi nhận tăng thu nhập khác thay vì ghi giảm giá trị đầu tư cho khoản thu phạt nhà thầu theo hợp đồng EPC do chậm tiến độ và không đạt thông số đảm bảo của “Dự án Công trình dây chuyền sản xuất nước Oxy già công suất 10.000 tấn/ năm, nồng độ 50%” với số tiền là 3.315.038.851 đồng. Điều này đã làm cho kết quả kinh doanh tăng lên một số tương ứng đồng thời nguyên giá của TSCĐ đang phản ánh cao hơn một số tương ứng.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Quốc Hùng
Giám đốc

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0295-2013-146-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA -IAFC

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2015

Đinh Thế Hùng
Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1917-2013-146-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**Mẫu B 01-DN**
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		14.475.794.260	28.272.136.044
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	4.786.544.823	20.031.034.319
1. Tiền	111		4.786.544.823	4.031.034.319
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	16.000.000.000
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.154.786.719	3.678.078.805
1. Phải thu khách hàng	131		2.898.575.150	3.045.306.605
2. Trả trước cho người bán	132		156.000.020	458.425.200
3. Các khoản phải thu khác	135	4	100.211.549	174.347.000
III- Hàng tồn kho	140	5	6.421.262.718	4.251.473.952
1. Hàng tồn kho	141		6.421.262.718	4.251.473.952
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150		113.200.000	311.548.968
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	79.838.968
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		113.200.000	231.710.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		188.949.447.571	203.599.287.540
I- Tài sản cố định	220		184.559.577.508	194.784.449.492
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	184.559.577.508	194.784.449.492
- Nguyên giá	222		205.050.626.240	202.125.939.553
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.491.048.732)	(7.341.490.061)
II- Tài sản dài hạn khác	260		4.389.870.063	8.814.838.048
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	7	4.389.870.063	8.814.838.048
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		203.425.241.831	231.871.423.584

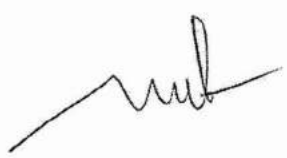
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮCPhường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh
Bắc Giang

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		119.321.964.233	148.269.052.897
I- Nợ ngắn hạn	310		21.532.813.602	32.758.911.292
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	8	12.163.254.720	17.883.647.661
2. Phải trả người bán	312		5.010.560.836	11.949.227.726
3. Người mua trả tiền trước	313		3.493.090	106.675.140
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	349.838.756	19.912.809
5. Phải trả người lao động	315		1.038.206.945	1.059.057.617
6. Chi phí phải trả	316	10	436.656.000	427.805.607
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn	319	11	2.404.675.255	1.148.047.537
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		126.128.000	164.537.195
II- Nợ dài hạn	330		97.789.150.631	115.510.141.605
1. Vay và nợ dài hạn	334	12	97.789.150.631	115.510.141.605
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		84.103.277.598	83.602.370.687
I- Vốn chủ sở hữu	410	13	84.103.277.598	83.602.370.687
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		84.000.000.000	84.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.125.950.000	4.125.950.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.375.316.000	1.375.316.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(5.397.988.402)	(5.898.895.313)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		203.425.241.831	231.871.423.584


 Ngô Thị Phương Chi

Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 09 tháng 3 năm 2015


 Lê Anh Tuấn

Kế toán trưởng


 Nguyễn Xuân Bắc

Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Mẫu B 01-DN Đơn vị tính: VND	
			Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14	68.875.031.559	61.136.319.652
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	15	68.875.031.559	61.136.319.652
4. Giá vốn hàng bán	11	16	52.317.050.223	54.210.052.218
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.557.981.336	6.926.267.434
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	210.620.731	115.821.672
7. Chi phí tài chính	22	18	11.532.158.174	7.672.074.607
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			<i>8.502.810.571</i>	<i>6.687.279.157</i>
8. Chi phí bán hàng	24		4.020.145.210	1.930.148.132
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.028.568.449	3.156.632.581
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.812.269.766)	(5.716.766.214)
11. Thu nhập khác	31		3.316.071.074	100.000
12. Chi phí khác	32		2.894.397	182.229.099
13. Lợi nhuận khác	40		3.313.176.677	(182.129.099)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		500.906.911	(5.898.895.313)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		500.906.911	(5.898.895.313)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	60	(984)

Ngô Thị Phương Chi

Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 09 tháng 3 năm 2015

Lê Anh Tuấn

Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Bắc

Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HUNG PHÁT HÀ BẮCPhường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh
Bắc Giang**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	500.906.911	(5.898.895.313)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	13.149.558.671	6.794.899.453
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.775.099.023	979.426.450
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(210.620.731)	1.848.400.228
- Chi phí lãi vay	06	8.502.810.571	6.687.279.157
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	23.717.754.445	10.411.109.975
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	721.641.054	6.432.396.618
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.169.788.766)	(2.295.419.265)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.343.707.142)	(6.516.656.327)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	4.424.967.985	(8.814.838.048)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(8.664.808.178)	(12.349.735.989)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(42.617.989)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	200.000	8.815.838.048
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(42.500.000)	(460.531.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	12.643.759.398	(4.820.453.977)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản	21	(4.654.245.710)	(2.359.975.115)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	210.620.731	29.466.070
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.443.624.979)	(2.330.509.045)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	28.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	47.192.098.156	58.498.425.807
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(70.633.482.071)	(66.035.111.922)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.240.000)	(2.921.622.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(23.444.623.915)	17.541.691.285
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(15.244.489.496)	10.390.728.263
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	20.031.034.319	9.640.306.056
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.786.544.823	20.031.034.319

Ngô Thị Phương Chi

Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 09 tháng 3 năm 2015

Lê Anh Tuấn

Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Bắc

Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

1. THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc là công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400395807 (số cũ 2003000297) do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/02/2008 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 24/12/2013.

Vốn điều lệ là 84.000.000.000 đồng (Tám mươi bốn tỷ đồng).

Tên viết tắt: HPCO.

Trụ sở chính của Công ty tại : Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 71 người.

Lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

Sản xuất và mua bán H_2O_2 , phân bón phục vụ nông nghiệp và các loại hóa chất khác. Kinh doanh vật tư nông nghiệp. Xuất nhập khẩu các sản phẩm hóa chất và phân bón, nguyên vật liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, máy móc thiết bị và các mặt hàng mà Công ty kinh doanh. Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi các loại hàng hóa. Kinh doanh vận tải hàng hóa. Buôn bán máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Mua bán cổ phiếu, trái phiếu trên thị trường chứng khoán theo quy định của Nhà nước, liên danh, liên kết với các công ty chứng khoán. Kinh doanh bất động sản. Xây dựng các công trình xây dựng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, kinh doanh vật liệu xây dựng. Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng, hoàn thiện các công trình xây dựng. Liên danh, liên kết với các tổ chức trong và ngoài nước.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2014, không có hoạt động nào có ảnh hưởng trọng yếu đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (tiếp theo)

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

2.4 Chính sách kế toán áp dụng**2.4.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền.

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính “Quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp”. Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật; đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

2.4.2 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm, trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (tiếp theo)**

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho.

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng. Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

2.4.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác.

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết trong việc thanh toán trong thời gian tới).

2.4.4 Phương pháp ghi nhận và khấu hao tài sản cố định.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình.

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (tiếp theo)**

Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau.

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian sử dụng
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 15 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm

2.4.5 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài phần lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần vốn chủ sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát tài sản và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như các hoạt động kinh doanh thông thường khác.

2.4.6 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trễ khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (tiếp theo)**

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

2.4.7. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác.

Chi phí trả trước.

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Chi phí khác

Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước.

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

2.4.8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.4.9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nguồn vốn kinh doanh do các cổ đông Công ty mẹ góp vốn, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (tiếp theo)**

+ *Thặng dư vốn cổ phần*: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

+ *Vốn khác*: Phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản.

+ *Cổ phiếu quỹ*: Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

+ *Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối*: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.4.10 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau.

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ : Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (tiếp theo)**

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.4.11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm.

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.4.12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Do Công ty đang có lỗ lũy kế lớn hơn số lợi nhuận tính thuế trong năm nên Công ty không phát sinh chi phí thuế TNDN hiện hành.

2.4.13 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các công ty cùng thuộc tập đoàn, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

2.4.14 Lãi trên cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY (tiếp theo)*****Lãi cơ bản trên cổ phiếu***

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu

2.4.15 Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận được lập theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận.

Các bộ phận được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý của doanh nghiệp dùng để lập báo cáo cho bên ngoài phải là các đơn vị nằm trong cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp đó. Thông tin bộ phận do các đơn vị này lập để giúp Ban Giám đốc đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và đưa ra quyết định điều hành và quản lý trong tương lai của doanh nghiệp.

Một lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý cần được xác định là một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu phát sinh từ bán hàng ra ngoài đồng thời thoả mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tổng Doanh thu của bộ phận từ việc bán hàng ra ngoài và từ giao dịch với các bộ phận khác phải chiếm từ 10% trở lên trên tổng doanh thu của tất cả bộ phận, hoặc;
- b) Kết quả kinh doanh của bộ phận này bất kể lãi (hay lỗ) chiếm từ 10 % trở lên trên tổng lãi (hay lỗ) của tất cả các bộ phận có lãi (hoặc trên tổng lỗ của tất cả các bộ phận lỗ) nếu đại lượng nào có giá trị tuyệt đối lớn hơn, hoặc;
- c) Tài sản của bộ phận chiếm từ 10 % trở lên trên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

2.4.16 Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN.

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	184.170.640	98.878.114
Tiền gửi ngân hàng	4.602.374.183	3.932.156.205
Các khoản tương đương tiền	-	16.000.000.000
Cộng	4.786.544.823	20.031.034.319

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu khác		
<i>Phải thu CQ BHXH tiền chế độ NLĐ</i>	<i>88.670.890</i>	<i>18.968.836</i>
<i>Thuế GTGT nhà thầu</i>		<i>86.355.602</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>11.540.659</i>	<i>69.022.562</i>
Cộng	100.211.549	174.347.000

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.075.352.067	2.134.909.394
Công cụ, dụng cụ	145.781.000	11.781.000
Thành phẩm	2.200.129.651	2.104.783.558
Cộng giá gốc hàng tồn kho	6.421.262.718	4.251.473.952
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	6.421.262.718	4.251.473.952

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2014	26.054.643.113	175.921.296.440	150.000.000	-	202.125.939.553
Tăng trong kỳ	-	2.754.686.687	-	170.000.000	2.924.686.687
Mua trong kỳ				170.000.000	170.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành (*)		2.754.686.687			2.754.686.687
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	26.054.643.113	178.675.983.127	150.000.000	170.000.000	205.050.626.240
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2014	1.406.586.217	5.784.903.844	150.000.000	-	7.341.490.061
Tăng trong kỳ	1.206.598.392	11.939.654.724	-	3.305.555	13.149.558.671
Khấu hao trong kỳ	1.206.598.392	11.939.654.724		3.305.555	13.149.558.671
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	2.613.184.609	17.724.558.568	150.000.000	3.305.555	20.491.048.732
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2014	24.648.056.896	170.136.392.596	-	-	194.784.449.492
Tại 31/12/2014	23.441.458.504	160.951.424.559	-	166.694.445	184.559.577.508

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

150.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

<i>Chi tiết theo đối tượng</i>	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí trả trước dài hạn khác		
<i>Chênh lệch tỷ giá sau đầu tư</i>	4.389.870.063	8.814.838.048
Cộng	4.389.870.063	8.814.838.048

8. VAY VÀ NỢ VAY NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)		
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Bắc Giang</i>	1.125.294.720	7.789.976.661
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh Bắc Giang</i>	777.000.000	6.706.875.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	10.260.960.000	3.386.796.000
Cộng	12.163.254.720	17.883.647.661

(*) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang; thời hạn vay cho các khế ước nhận nợ là từ 4 - 6 tháng, lãi suất bình quân năm từ 7,5% đến 9% năm, mục đích bổ sung vốn lưu động. Cho vay có tài sản đảm bảo.

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	346.755.405	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.083.351	19.912.809
Cộng	349.838.756	19.912.809

Quyết toán thuế của Đơn vị sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan Thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày ở trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí phải trả khác	436.656.000	427.805.607
<i>Chi phí lãi vay phải trả</i>		161.997.607
<i>Trích trước chi phí vận chuyển</i>	436.656.000	265.808.000
Cộng	436.656.000	427.805.607

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	18.328.010	69.142.007
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	900.000	1.600.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.385.447.245	1.077.305.530
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>578.352.280</i>	<i>581.592.280</i>
<i>Chi phí vận chuyển chưa quyết toán</i>	<i>465.552.000</i>	
<i>Chi phí chạy thử chờ quyết toán</i>		<i>218.870.668</i>
<i>Tạm nhập kho nguyên vật liệu</i>	<i>718.662.795</i>	<i>121.156.671</i>
<i>Khác</i>	<i>622.880.170</i>	<i>155.685.911</i>
Cộng	2.404.675.255	1.148.047.537

12. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngân hàng	97.789.150.631	115.510.141.605
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Bắc Giang (a)	49.891.331.383	54.691.054.644
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh Bắc Giang (b)	47.897.819.248	60.819.086.961
Cộng	97.789.150.631	115.510.141.605

(a) Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang theo hợp đồng số 0001-018-01/HĐTD ngày 15 tháng 7 năm 2010; tổng số tiền vay theo hợp đồng là 4,299,000 USD, tại ngày 31/12/2014 còn phải trả 2.599.879 USD; mục đích vay: đầu tư dự án xây dựng dây chuyền sản xuất nước Ôxy già công suất 10.000 tấn/năm nồng độ 50%; thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên; lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi và theo sự chỉ đạo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam trong từng thời kỳ theo lãi suất tiết kiệm USD trả sau kỳ hạn 12 tháng cộng 3%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay trung dài hạn USD của bên A trong từng thời kỳ; lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần; hình thức bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(b) Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 01/10/ĐTDA/BG ngày 15 tháng 7 năm 2010; tổng số tiền vay theo hợp đồng là 4,478,822 USD (trong đó: khoản vay 1: 3,561,428 USD; khoản vay 2: 917,394 USD- tại ngày 31/12/2014 còn phải trả 2.454.624 USD); mục đích vay: đầu tư dự án xây dựng dây chuyền sản xuất nước Ôxy già công suất 10.000 tấn /năm nồng độ 50%; thời hạn vay: thời hạn vay khoản vay 1 là 84 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời hạn vay khoản vay 2 là 24 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên; lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng trả sau của bên cho vay cộng 3%/năm; lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần; hình thức bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

MẪU B 09-DN

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

13a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	Cộng
Số dư tại 01/01/2013	56.000.000.000	(8.730.922.814)	4.086.623.000	1.362.207.000	131.091.138	52.848.998.324
Tăng trong năm	28.000.000.000	-	39.327.000	13.109.000	(5.898.895.313)	22.153.540.687
Lãi năm trước					(5.898.895.313)	(5.898.895.313)
Phân phối lợi nhuận năm trước			39.327.000	13.109.000		52.436.000
Tăng vốn năm trước	28.000.000.000					28.000.000.000
Giảm nguồn vốn	-	(8.730.922.814)	-	-	131.091.138	(8.599.831.676)
Trả cổ tức					52.437.138	52.437.138
Phân phối lợi nhuận năm					78.654.000	78.654.000
Giảm khác		(8.730.922.814)				(8.730.922.814)
Số dư tại 31/12/2013	84.000.000.000	-	4.125.950.000	1.375.316.000	(5.898.895.313)	83.602.370.687
Số dư tại 01/01/2014	84.000.000.000	-	4.125.950.000	1.375.316.000	(5.898.895.313)	83.602.370.687
Tăng trong năm	-	-	-	-	500.906.911	500.906.911
Lãi năm nay					500.906.911	500.906.911
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	84.000.000.000	-	4.125.950.000	1.375.316.000	(5.397.988.402)	84.103.277.598

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***13b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu.**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước (*)	54.230.000.000	54.230.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	29.770.000.000	29.770.000.000
Cộng	84.000.000.000	84.000.000.000

(*) Là phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc

13c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	84.000.000.000	56.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	28.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	84.000.000.000	84.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.240.000	2.921.622.600

13d. Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.400.000	8.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.400.000	8.400.000
Cổ phiếu phổ thông	8.400.000	8.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.400.000	8.400.000
Cổ phiếu phổ thông	8.400.000	8.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

13e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các quỹ của doanh nghiệp:		
Quỹ đầu tư phát triển	4.125.950.000	4.125.950.000
Quỹ dự phòng tài chính	1.375.316.000	1.375.316.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****14. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	68.875.031.559	61.017.714.569
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	118.605.083
Cộng	68.875.031.559	61.136.319.652

15. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu thuần	68.875.031.559	61.136.319.652
Cộng	68.875.031.559	61.136.319.652

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	52.317.050.223	54.210.052.218
Cộng	52.317.050.223	54.210.052.218

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	210.620.731	115.821.672
Cộng	210.620.731	115.821.672

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.502.810.571	6.687.279.157
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.254.248.580	5.369.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.775.099.023	979.426.450
Cộng	11.532.158.174	7.672.074.607

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***19. LÃI CƠ BẢN, LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Bảng dưới đây thể hiện dữ liệu được dùng để tính lãi trên cổ phiếu.

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	500.906.911	(5.898.895.313)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	500.906.911	(5.898.895.313)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.400.000	5.995.927
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	60	(984)

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.091.024.015	13.368.417.938
Chi phí nhân công	5.416.662.485	3.597.518.750
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.149.558.671	6.794.899.453
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.644.933.509	1.180.315.993
Chi phí khác bằng tiền	534.454.190	424.577.483
Cộng	44.836.632.870	25.365.729.617

21. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có số dư và giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau.

Đối tượng	Mối quan hệ	Tính chất GD	Năm 2014	31/12/2014
			VND	VND
- Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc	Công ty mẹ	Mua HH, DV	27.587.087.867	4.603.753.336

Thống kê thu nhập của Ban Lãnh đạo Công ty

Thu nhập Ban Lãnh đạo được hưởng trong kỳ như sau:

Nội dung	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lương	707.467.721	642.425.113
Thưởng	26.400.000	257.751.637
Khác	30.000.000	30.000.000
Cộng	763.867.721	960.176.750

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***22. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

23. THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

24. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính như các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro về thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích độ nhạy như trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro về lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay (bao gồm cả vay ngắn hạn, vay dài hạn) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

Mức tăng/giảm điểm cơ bản được dùng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro về ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu sự rủi ro do thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

24. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua bán hàng hóa bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Vay ngắn hạn và dài hạn	Tăng /giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014		
Vay bằng đồng Việt Nam	+ 200	(38.045.894)
Vay bằng đồng Việt Nam	- 200	38.045.894
Vay bằng đô la Mỹ	+ 200	(2.161.002.213)
Vay bằng đô la Mỹ	- 200	2.161.002.213
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013		
Vay bằng đồng Việt Nam	+ 200	(289.937.033)
Vay bằng đồng Việt Nam	- 200	289.937.033
Vay bằng đô la Mỹ	+ 200	2.377.938.752
Vay bằng đô la Mỹ	- 200	(2.377.938.752)

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Với giả định các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả).

Số dư các khoản tiền và Công nợ có gốc ngoại tệ như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	USD	USD
Tài khoản vay	5.054.503,00	5.265.503,00
Cộng	5.054.503,00	5.265.503,00
Ngoại tệ	USD	USD
Tỷ giá (VND/USD)	21.375	21.085,00
USD mạnh thêm 2% so với VND	2%	2%
Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND	(2.160.800.033)	(2.220.462.615)
USD yếu thêm 2% so với VND	2%	2%
Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND	2.160.800.033	2.220.462.615

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu là đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***24. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Phải thu khách hàng***

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại một số ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2014	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	12.163.254.720	97.789.150.631		109.952.405.351
Phải trả người bán	5.010.560.836			5.010.560.836
Chi phí phải trả	436.656.000			436.656.000
Các khoản phải trả khác	2.404.675.255			2.404.675.255
Cộng	20.015.146.811	97.789.150.631	-	117.804.297.442
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	17.883.647.661	115.510.141.605		133.393.789.266
Phải trả người bán	11.949.227.726			11.949.227.726
Chi phí phải trả	427.805.607			427.805.607
Các khoản phải trả khác	1.148.047.537			1.148.047.537
Cộng	31.408.728.531	115.510.141.605	-	146.918.870.136

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng các tài sản đảm bảo như tại thuyết minh để làm thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng như tại thuyết minh về phần vay ngắn hạn, vay dài hạn và Giá trị còn lại của tài sản mang đi thế chấp được trình bày tại thuyết minh về tài sản cố định hữu hình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

Công ty không năm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các Công cụ tài chính được trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty:

<i>A Tài sản tài chính</i>	<i>Giá trị sổ kế toán</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>31/12/2014</i>	<i>01/01/2014</i>	<i>31/12/2014</i>	<i>01/01/2014</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền và tương đương tiền	4.786.544.823	4.031.034.319	4.786.544.823	4.031.034.319
Phải thu khách hàng	2.898.575.150	3.045.306.605	2.898.575.150	3.045.306.605
Các khoản phải thu khác	100.211.549	174.347.000	100.211.549	174.347.000
Cộng	7.785.331.522	7.250.687.924	7.785.331.522	7.250.687.924
<i>B. Nợ phải trả tài chính</i>	<i>Giá trị sổ kế toán</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>31/12/2014</i>	<i>01/01/2014</i>	<i>31/12/2014</i>	<i>01/01/2014</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Vay và nợ	109.952.405.351	133.393.789.266	109.952.405.351	133.393.789.266
Phải trả người bán	5.010.560.836	11.949.227.726	5.010.560.836	11.949.227.726
Chi phí phải trả	436.656.000	427.805.607	436.656.000	427.805.607
Các khoản phải trả, phải nộp	2.404.675.255	1.148.047.537	2.404.675.255	1.148.047.537
Cộng	117.804.297.442	146.918.870.136	117.804.297.442	146.918.870.136

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý

- ✓ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ✓ Giá trị hợp lý của các khoản phải thu/cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- ✓ Giá trị hợp lý của các công cụ chưa được niêm yết, các khoản vay ngân hàng trái phiếu và các nợ phải trả tài chính khác, các nghĩa vụ theo hợp đồng thuê tài chính, cũng như các khoản nợ phải trả tài chính dài hạn khác được tạm thời ghi nhận bằng giá gốc..

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***26. THÔNG TIN BỘ PHẬN**

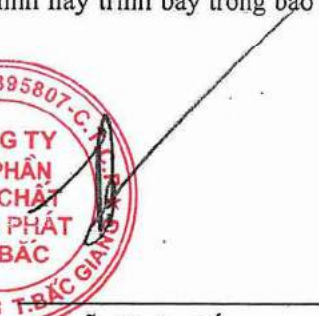
Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Do đặc điểm hoạt động của Công ty chỉ có hoạt động sản xuất ô xy già tại trụ sở chính theo đó không có sự khác biệt đáng kể về lĩnh vực kinh doanh, đồng thời Công ty hoạt động tại một bộ phận địa lý chính tại Việt Nam nên không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế của các bộ phận theo khu vực địa lý. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo theo bộ phận.

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính năm nay.



Ngô Thị Phương Chi**Người lập biểu***Bắc Giang, ngày 09 tháng 3 năm 2015*

Lê Anh Tuấn**Kế toán trưởng**

Nguyễn Xuân Bắc**Giám đốc**